

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC**

* Mã chứng khoán: PCT

* Trụ sở chính: Phòng 2-3, Tầng 10, Riverfront Financial Centre, 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh.

* Điện thoại: (84.28) 62582330 Fax: (84.28) 62582334

* Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Diệu Hoa (Người được ủy quyền Công bố thông tin)

* Loại thông tin công bố:

☒ 24h

☐ Yêu cầu

☐ Bất thường

☐ Định kỳ

2. Nội dung công bố thông tin: Cập nhật tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/4/2026 tại đường dẫn www.pct.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Lưu: DH (1b)

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Diệu Hoa

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
☞ ☼ ☞



**TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: Ngày 16 tháng 4 năm 2026
Địa điểm: Phòng 2-3, Tầng 10, Riverfront Financial Centre, 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh.

STT	Thời gian	Nội dung
I	ĐÓN TIẾP ĐẠI BIỂU	
1	08:00 - 08:30	Đón tiếp Đại biểu, cổ đông tham dự Đại hội. Kiểm tra tư cách cổ đông và đăng ký thủ tục tham dự Đại hội.
II	KHAI MẠC ĐẠI HỘI	
2	08:30 - 08:35	Thông qua Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Hướng dẫn an ninh. Tuyên bố lý do; giới thiệu và bầu Đoàn chủ toạ, Thư ký Đại hội, Tổ kiểm phiếu.
3	08:35 - 08:40	Thông qua Nội quy, Chương trình, Thễ lệ biểu quyết tại Đại hội.
III	NỘI DUNG ĐẠI HỘI	
4	08:40 - 10:00	<ol style="list-style-type: none">1. Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Hội đồng quản trị.2. Báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.3. Báo cáo hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát.4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Giám đốc.5. Tờ trình về việc phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025.6. Tờ trình về việc trích lập các quỹ năm 2025.7. Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

		<p>8. Tờ trình về việc phê duyệt thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026.</p> <p>9. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.</p> <p>10. Tờ trình về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.</p> <p>11. Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ công ty.</p> <p>12. Tờ trình về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p> <p>13. Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>14. Tờ trình về việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh.</p> <p>15. Tờ trình về việc báo cáo tiến độ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 và thông qua thay đổi phương án sử dụng số tiền này.</p>
5	10:00 - 10:20	Đại hội thảo luận, góp ý.
6	10:20 - 10:30	Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội.
7	10:30 - 10:50	Nghỉ giải lao/ Kiểm phiếu.
8	10:50 - 10:55	Biên bản kiểm phiếu.
IV	TỔNG KẾT ĐẠI HỘI	
9	10:55 - 11:00	Thông qua biên bản và nghị quyết của Đại hội.
10	11:00	Bế mạc Đại hội.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific xin trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025 như sau:

1. Thành phần Hội đồng quản trị năm 2025:

Hội đồng quản trị từ 01/01/2025 đến 27/10/2025 bao gồm các thành viên:

1. Ông Trần Trung Quốc - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Lê Anh Nam - Thành viên độc lập HĐQT;
3. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thành viên HĐQT;
4. Ông Võ Ngọc Phụng - Thành viên HĐQT.

Ngày 15/9/2025, Ông Võ Ngọc Phụng có Đơn xin từ nhiệm. Đến ngày 27/10/2025, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã phê duyệt việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Võ Ngọc Phụng. Tại ĐHĐCĐ bất thường 2025 ngày 27/10/2025, ĐHĐCĐ đã thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 là 05 thành viên và bầu bổ sung hai (02) thành viên Hội đồng quản trị. Như vậy, từ ngày 27/10/2025 đến 31/12/2025, Hội đồng quản trị bao gồm các thành viên:

1. Ông Trần Trung Quốc - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Lê Anh Nam - Thành viên độc lập HĐQT;
3. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thành viên HĐQT;
4. Ông Đặng Nguyên Đăng - Thành viên HĐQT;
5. Ông Trần Xuân Trường - Thành viên HĐQT.

2. Thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và bộ máy điều hành

2.1. Phương thức giám sát

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban Giám đốc trong việc tổ chức, triển khai và thực hiện các nghị quyết của HĐQT và nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên/bất thường năm 2025.
- Việc giám sát được thực hiện tại các cuộc họp của HĐQT.
- Định kỳ hoặc bất thường, Ban Giám đốc báo cáo hoạt động và giải trình đối với các nội dung mà HĐQT yêu cầu.
- Theo phân công nhiệm vụ trong HĐQT, thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi với Ban Giám đốc về các nội dung, vấn đề quan tâm giám sát.

2.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

- Kết quả hoạt động của Ban Giám đốc trong năm 2025: đánh giá qua việc thực hiện mục tiêu tài chính và mục tiêu chất lượng của Công ty.
- Trách nhiệm chung của Ban Giám đốc: đánh giá theo KPI của từng vị trí trong Ban Giám đốc.
- Kết quả giám sát:
 - + Năm 2025, Ban Giám đốc đã có nỗ lực lớn và thực hiện nhiệm vụ được giao:
 - Chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 743.874 triệu đồng, hoàn thành 92% kế hoạch đặt ra, tăng 38% so với thực hiện năm 2024.
 - Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 69.427 triệu đồng, hoàn thành 66% kế hoạch đặt ra.
 - Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế đạt 55.346 triệu đồng, hoàn thành 66% kế hoạch đặt ra.
 - + Trong quá trình hoạt động, Công ty đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. Ban Giám đốc đã thực hiện hoàn tất 26/28 nghị quyết của HĐQT trong năm, hai (02) nghị quyết còn lại gồm số 01/2025/NQ-PCT-HĐQT (về việc triển khai phương án án Đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT) và số 25/2025/NQ-PCT- HĐQT (về việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ) thì Ban Giám đốc đang tiếp tục thực hiện trong năm 2025.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan:

Trong năm 2025, HĐQT cam kết mọi giao dịch với các bên liên quan của thành viên HĐQT là hợp lý và theo cơ chế thị trường, công khai, minh bạch và phục vụ lợi ích tốt nhất cho Công ty và cổ đông. Tất cả giao dịch với các bên có liên quan đều được soát xét và phê duyệt theo đúng thẩm quyền, công bố tại thuyết minh của báo cáo tài chính được kiểm toán bán niên và năm 2025 tại đường dẫn: <https://www.pct.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>.

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT:

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 24/3/2025 về việc phê duyệt kế hoạch thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2025, thù lao của từng thành viên HĐQT trong năm 2025 như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao
1	Trần Trung Quốc	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
2	Lê Anh Nam	TV độc lập HĐQT	96.000.000
3	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TV. HĐQT	96.000.000

4	Đặng Nguyên Đăng	TV. HĐQT	17.290.323
5	Trần Xuân Trường	TV. HĐQT	17.290.323
6	Võ Ngọc Phụng	TV. HĐQT	78.967.742

Chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT: Không có.

5. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết/quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua	Tình hình thực hiện
1	01/2025/NQ-PCT-HĐQT	02/01/2025	Thông qua triển khai Phương án Đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT	100%	Đang triển khai
2	02/2025/NQ-PCT-HĐQT	13/01/2025	Tái tài trợ khoản vay tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt và phương án vay vốn bù đắp	100%	Đã hoàn thành
3	03/2025/NQ-PCT-HĐQT	03/02/2025	Chấp thuận giao dịch giữa Công ty và người có liên quan	100%	Đã hoàn thành
4	04/2025/NQ-PCT-HĐQT	06/02/2025	Phê duyệt chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%	Đã hoàn thành
5	05/2025/NQ-PCT-HĐQT	25/02/2025	Phê duyệt lựa chọn đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải khoảng 25.900 DWT	100%	Đã hoàn thành
6	06/2025/NQ-PCT-HĐQT	03/03/2025	Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025	100%	Đã hoàn thành
7	07/2025/NQ-PCT-HĐQT	03/03/2025	Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%	Đã hoàn thành
8	08/2025/NQ-PCT-HĐQT	11/03/2025	Thông qua cập nhật tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%	Đã hoàn thành
9	09/2025/NQ-PCT-HĐQT	14/03/2025	Kiến toàn cơ cấu tổ chức của Công ty	100%	Đã hoàn thành
10	10/2025/NQ-PCT-HĐQT	14/03/2025	Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc đối với ông Hoàng Anh Quân	100%	Đã hoàn thành
11	11/2025/NQ-PCT-HĐQT	18/03/2025	Thông qua cập nhật tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường	100%	Đã hoàn thành

			niên năm 2025		
12	12/2025/NQ-PCT-HĐQT	08/05/2025	Phê duyệt Kế hoạch và ngân sách kiểm tra trên đà, kiểm tra trung gian, kiểm tra hàng năm của tàu Goby năm 2025	100%	Đã hoàn thành
13	13/2025/NQ-PCT-HĐQT	13/05/2025	Đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh	100%	Đã hoàn thành
14	14/2025/NQ-PCT-HĐQT	14/05/2025	Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2025	100%	Đã hoàn thành
15	15/2025/NQ-PCT-HĐQT	15/05/2025	Lựa chọn ngân hàng cấp tín dụng để phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng	100%	Đã hoàn thành
16	16/2025/NQ-PCT-HĐQT	25/06/2025	Chấp thuận giao dịch giữa Công ty và người có liên quan	100%	Đã hoàn thành
17	17/2025/NQ-PCT-HĐQT	25/06/2025	Miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc đối với bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	100%	Đã hoàn thành
18	18/2025/NQ-PCT-HĐQT	05/09/2025	Phê duyệt chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%	Đã hoàn thành
19	19/2025/NQ-PCT-HĐQT	06/10/2025	Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%	Đã hoàn thành
20	20/2025/NQ-PCT-HĐQT	17/10/2025	Phê duyệt định biên lao động và Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025	100%	Đã hoàn thành
21	21/2025/NQ-PCT-HĐQT	17/10/2025	Sử dụng hạn mức tín dụng bổ sung nguồn vốn ngắn hạn	100%	Đã hoàn thành
22	22/2025/NQ-PCT-HĐQT	24/10/2025	Thông qua cập nhật tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%	Đã hoàn thành
23	23/2025/NQ-PCT-HĐQT	12/11/2025	Phê duyệt Kế hoạch và ngân sách sửa chữa trên dock của tàu Windsor năm 2025	100%	Đã hoàn thành
24	24/2025/NQ-PCT-HĐQT	19/11/2025	Phê duyệt quyết toán kiểm tra trên đà, kiểm tra trung gian, kiểm tra hàng năm của tàu Goby năm 2025	100%	Đã hoàn thành

25	25/2025/NQ-PCT- HĐQT	12/12/2025	Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%	Đang triển khai
26	26/2025/NQ-PCT- HĐQT	12/12/2025	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%	Đã hoàn thành
27	27/2025/NQ-PCT- HĐQT	15/12/2025	Kiện toàn cơ cấu tổ chức của Công ty	100%	Đã hoàn thành
28	28/2025/NQ-PCT- HĐQT	17/12/2025	Chấp thuận giao dịch giữa Công ty và người có liên quan	100%	Đã hoàn thành
29	04/2025/QĐ-PCT- HĐQT	30/05/2025	Tái bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng	100%	Đã hoàn thành
30	07/2025/QĐ-PCT- HĐQT	31/07/2025	Miễn nhiệm chức danh Giám đốc	100%	Đã hoàn thành
31	08/2025/QĐ-PCT- HĐQT	31/07/2025	Bổ nhiệm chức danh Giám đốc	100%	Đã hoàn thành
32	09/2025/QĐ-PCT- HĐQT	31/07/2025	Chi khen thưởng cho các cá nhân, tập thể phòng chức năng trong Công ty từ Quỹ khen thưởng Ban điều hành	100%	Đã hoàn thành
33	10/2025/QĐ-PCT- HĐQT	29/08/2025	Phê duyệt thôi giữ chức danh Phó Giám đốc đối với ông Đoàn Nguyên Sơn	100%	Đã hoàn thành

6. Đánh giá vai trò thành viên HĐQT độc lập (trình bày tại Báo cáo riêng).

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Theo nhận định của HĐQT, năm 2026 tiếp tục là giai đoạn đầy thách thức và khó đoán định khi tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu được dự báo chậm lại đáng kể (chỉ đạt mức 0,5%) do tác động của các biện pháp bảo hộ và sự phân mảnh địa chính trị. Thị trường vận tải hóa chất sẽ chịu áp lực lớn về nguồn cung khi khoảng 46% lượng tàu đóng mới trong phân khúc này dự kiến được bàn giao vào năm 2026, trong khi các quy định môi trường như hệ thống EU ETS sẽ mở rộng và yêu cầu tuân thủ phát thải khắt khe hơn. Tuy nhiên, nhu cầu vận chuyển tính theo tấn - dặm vẫn được hỗ trợ mạnh mẽ, tăng từ 30 - 70% trên các tuyến chính do tàu phải đi vòng để tránh bất ổn tại khu vực Biển Đỏ. Trong bối cảnh đó, Việt Nam vẫn là điểm sáng với bức tranh tăng trưởng GDP lạc quan trên 6% và tiếp tục thu hút mạnh dòng vốn FDI.

Do đó, để thực hiện thành công kế hoạch và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026, HĐQT chỉ đạo, giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban Giám đốc xây dựng và triển khai hiệu quả với các giải pháp sau:

- Phân đầu hoàn thành và vượt mục tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2026 sẽ trình cho ĐHĐCĐ thông qua trong kỳ họp thường niên.

- Theo sát kế hoạch đầu tư tài sản đảm bảo đạt hiệu quả.
- Giữ vững hoạt động quản lý và tư vấn quản lý tàu bằng cách tìm kiếm và mở rộng đối tác khách hàng.
- Tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định, định mức và quản lý chi phí nhằm tăng cường công tác quản lý.
- Chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh mới và xu thế phát triển của công ty trong tương lai.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm đến quyền lợi, điều kiện làm việc cho người lao động.
- Quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2026.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Trung Quốc

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;
- Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Trong năm 2025, HĐQT có tất cả 05 thành viên, trong đó, có 01 thành viên độc lập. Toàn bộ các thành viên HĐQT đã tham gia tích cực vào các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phản biện chiến lược và đảm bảo tốt các thông lệ quản trị Công ty. Thành viên độc lập HĐQT nhận định như sau:

1. Về việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT:

- Trong năm, HĐQT Công ty đã tổ chức 31 cuộc họp đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền. HĐQT tổ chức các cuộc họp theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị có sự tham gia giám sát của Trưởng Ban kiểm soát cũng như tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT. Các nội dung cuộc họp được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những định hướng, giải pháp tối ưu cho công ty.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Giám đốc. Quá trình thực thi hoạt động của Công ty được diễn ra theo quy chế phân quyền rõ ràng, các rủi ro luôn được phân tích và nhận diện một cách kịp thời nhằm đảm bảo sự cho Công ty hoạt động ổn định, an toàn, tuân thủ theo các quy định của pháp luật cũng như đạt được các kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Biên bản cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ có chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giám sát Ban Giám đốc:

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với Ban Giám đốc, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ, đi đúng định hướng chiến lược và điều chỉnh các quyết định kịp thời khi thực tiễn yêu cầu.
- Các thành viên HĐQT giữ các chức danh trong Ban Giám đốc đã thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban Giám đốc. Các quyết sách quan trọng của Công ty đã được Ban Giám đốc báo cáo, tham vấn và nhận ý kiến chỉ đạo từ HĐQT nhằm có các giải pháp tối ưu cho lợi ích của Công ty. Qua đó, HĐQT luôn nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty cũng như được cập nhật nhanh nhất các yêu cầu từ thực tiễn.
- Các thành viên HĐQT nhận diện một cách chủ động vai trò, trách nhiệm hỗ trợ đối với Ban Giám đốc và thực hiện chia sẻ kinh nghiệm, tương tác và trao đổi với Ban Giám đốc.
- HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản trị rủi ro, nhằm hỗ trợ Ban Giám đốc nhận diện sớm các vấn đề và giúp công ty duy trì tính bền vững, ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của các cổ đông và nhà đầu tư.
- Ban Giám đốc chủ động trong công việc và nỗ lực, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Công tác giám sát đối với Ban Giám đốc được duy trì thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT:

- Theo kế hoạch hoạt động của HĐQT, các công việc của HĐQT đã thực hiện trong năm 2025 tập trung đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra và tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và các thông lệ chuẩn mực về việc quản trị công ty.
- Tất cả thành viên HĐQT, có tinh thần trách nhiệm cao, có tính chuyên nghiệp cao, rõ ràng về trách nhiệm được phân công trong việc bảo vệ lợi ích của Công ty và cẩn trọng trong việc thực hiện vai trò của mình.
- HĐQT đã đề xuất nhiều giải pháp hiệu quả, kịp thời để giúp Ban Giám đốc vượt qua một số thách thức trong quá trình vận hành Công ty, thực hiện tốt việc giám sát và kiểm soát việc tuân thủ pháp luật của Công ty.
- HĐQT cùng với Ban Giám đốc Công ty nỗ lực điều hành hoạt động SXKD theo mục tiêu đề ra và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, mang lại hiệu quả cho cổ đông và thu nhập cho người lao động của Công ty, hoàn thành chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua mặc dù còn gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Lê Anh Nam

Số: 01/2026/BC-PCT-BKS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Thay mặt Ban Kiểm soát (BKS), tôi xin báo cáo trước Đại hội kết quả công tác kiểm tra giám sát năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Về tổ chức

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific gồm có 03 thành viên, trong đó 01 Trưởng ban phụ trách chung và 02 thành viên thực hiện giám sát theo dõi các hoạt động theo sự phân công của Trưởng BKS. Nhân sự BKS trong năm 2025 gồm có:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết
1	Chu Thị Mai Hương	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 24/03/2025	0%
2	Nguyễn Thị Thu Tâm	TV. BKS	Bổ nhiệm ngày 31/05/2024	0%
3	Vương Thị Thu Thủy	TV. BKS	Bổ nhiệm ngày 27/10/2025	0%
4	Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 24/03/2025	0%
5	Nguyễn Thị Xuân Thủy	TV. BKS	Bổ nhiệm ngày 24/03/2025 Miễn nhiệm ngày 27/10/2025	0%

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên:

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 24/03/2025 về việc phê duyệt kế hoạch thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2025, thù lao của từng thành viên BKS trong năm 2025 như sau:

Đơn vị: đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao
1	Chu Thị Mai Hương	Trưởng BKS	54.517.000
2	Nguyễn Thị Thu Tâm	TV. BKS	36.000.000

3	Vương Thị Thu Thủy	TV. BKS	6.483.871
4	Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Trưởng BKS	49.245.349
5	Nguyễn Thị Xuân Thủy	TV. BKS	21.387.903

3. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

a) Tổng kết các cuộc họp của BKS:

Trong năm 2025 Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2025.

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Chu Thị Mai Hương	02/02	100%	100%	
2	Nguyễn Thị Thu Tâm	02/02	100%	100%	
3	Vương Thị Thu Thủy	01/02	100%	100%	Bỏ nhiệm 27/10/2025
4	Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	0/02	0%	0%	Miễn nhiệm 24/03/2025
5	Nguyễn Thị Xuân Thủy	01/02	100%	100%	Bỏ nhiệm 24/03/2025 Miễn nhiệm 27/10/2025

b) Nội dung công tác kiểm soát của BKS:

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị; soát xét, kiểm tra các văn bản của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc phát hành trong quá trình quản trị công ty.
- Giám sát công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường một cách kịp thời và kiểm chứng tính xác thực của các thông tin công bố tới cổ đông.
- Giám sát việc tuân thủ quy định, nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định pháp luật và quy định công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

II. KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Giám sát về báo cáo tài chính, hình hình tài chính

- Ban Kiểm soát đánh giá cao việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam làm công ty kiểm toán BCTC năm 2025.

- Báo cáo tài chính các quý, bán niên và cả năm 2025 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được lập và trình bày trung thực, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.
- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết theo đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Công ty đã thực hiện tốt công tác dự báo và lập báo cáo tài chính; quản lý và kiểm soát tình hình thực hiện ngân sách năm 2025; tối ưu hóa dòng tiền, vận dụng linh hoạt các chính sách ưu đãi lãi suất tại các ngân hàng để tiết kiệm chi phí tài chính của Công ty.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường thủy và quản lý tàu. Đồng thời, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư và đưa tàu Artemis vào khai thác, góp phần mở rộng quy mô hoạt động. Kết quả sản xuất kinh doanh cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu	810.550	743.874	92
2	Lợi nhuận trước thuế	105.717	69.427	66
3	Lợi nhuận sau thuế	84.353	55.346	66
4	Nộp NSNN	21.365	14.380	67

Trong đó, kết quả kinh doanh theo loại hình như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tổng cộng	Thương mại	Dịch vụ Vận tải và dịch vụ khác
I	DOANH THU			
1	Doanh thu hoạt động	734.588	18.432	716.156
2	Doanh thu tài chính	9.189		
3	Thu nhập khác	97		
II	CHI PHÍ			
1	Giá vốn hàng bán	526.863	18.116	508.748
2	Chi phí tài chính	111.158		
3	Chi phí QLDN	36.204		
4	Chi phí khác	222		
III	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	69.427		

3. Đầu tư, thanh lý tài sản:

Trong năm 2025, Công ty thực hiện đầu tư thành công đối với tàu Artemis như kế hoạch được duyệt tại ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2024 với nguyên giá 635 tỷ đồng.

4. Giám sát về tình hình hoạt động

Hoạt động của Công ty trong năm 2025 đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ. Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty cần tiếp tục rà soát và cập nhật các quy định nội bộ phù hợp quy định pháp luật, tăng cường đào tạo kiến thức, truyền đạt đến người lao động có liên quan để đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động.

5. Thẩm định Báo cáo tài chính:

BCTC của Công ty được lập theo đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Công ty áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025;

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, các chính sách kế toán như nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền; ghi nhận hàng tồn kho, ghi nhận và khấu hao TSCĐ, ghi nhận doanh thu, chi phí... được Công ty áp dụng một cách phù hợp nhất quán;

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Tại báo cáo có ý kiến của kiểm toán như sau:

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Ban kiểm soát thực hiện thẩm định các báo cáo tài chính hàng quý và năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025. BKS nhất trí với báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025.

6. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với những người có liên quan:

Giao dịch giữa Công ty với những người có liên quan được kiểm soát ngay khi phát sinh, được đánh giá theo quy định của Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời được báo cáo đầy đủ theo quy định (tham khảo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025). BKS không phát hiện các trường hợp xung đột lợi ích trong giao dịch với các bên liên quan.

7. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý khác:

BKS thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra nghị quyết của HĐQT đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua việc chấp hành các nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và Giám đốc.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý liên quan và luôn nhận được sự hợp tác.

Tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT: tất cả các vấn đề quan trọng đều được thảo luận công khai, dân chủ trong HĐQT. Các vấn đề được đánh giá, thảo luận thấu đáo, cân trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ra Nghị quyết. Ban Giám đốc luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

8. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông:

Trong năm 2025, BKS nhận được sự phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình từ phía HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin, báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị công ty, các hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT.

Trong năm 2026, Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc một số nội dung sau:

- Nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng tài sản; thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư; đồng thời tối ưu hóa dòng tiền trong hoạt động kinh doanh.
- Tăng cường giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và kết quả kinh doanh.
- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công tác quản lý, quản trị, hướng tới gia tăng giá trị doanh nghiệp và tối đa hóa lợi ích của cổ đông.
- Xây dựng và triển khai các kế hoạch, chính sách phù hợp để bổ sung, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác phân tích, dự báo nhằm chủ động kiểm soát, phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BKS NĂM 2026

Căn cứ vào tình hình hoạt động của BKS năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2026, BKS xin đề ra kế hoạch hoạt động của BKS năm 2026 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Xem xét tính hợp lý và giám sát việc ban hành và thực hiện các văn bản quản lý nội bộ của Công ty;

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm;
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2026. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty;
- Xem xét, thẩm tra công tác ký kết các hợp đồng kinh tế;
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư của Công ty;
- Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao nhất, không ngừng nâng cao hơn nữa lợi ích chính đáng của Cổ đông;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của BKS.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của BKS PCT năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Chu Thị Mai Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Vận tải biển Global Pacific

Thực hiện Nghị quyết số 01/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 24/3/2025, Nghị quyết số 02/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 27/10/2025 của Đại hội đồng cổ đông, Giám đốc CTCP Vận tải biển Global Pacific xin tổng kết kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động từ bối cảnh kinh tế toàn cầu nhiều biến động. Theo International Monetary Fund và World Bank, chính sách tiền tệ thắt chặt và lãi suất cao làm gia tăng chi phí tài chính. Đồng thời, World Trade Organization ghi nhận thương mại toàn cầu suy giảm do xung đột địa chính trị. Trong khi đó, theo Clarksons Research, thị trường vận tải biển chịu áp lực khi nguồn cung tàu tăng nhanh hơn nhu cầu, kéo giảm giá cước quốc tế. Từ đó ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chỉ tiêu tài chính đạt được trong năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	Tỷ lệ TH2025/TH2024 (%)	Tỷ lệ TH/KH 2025 (%)
1	Tổng doanh thu*	810.550	540.057	743.874	138	92
2	Lợi nhuận trước thuế	105.717	110.064	69.427	63	66
3	Lợi nhuận sau thuế	84.353	87.787	55.346	63	66
4	Nộp NSNN	21.365	23.614	14.380	61	67

* Tổng doanh thu bao gồm: doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu tài chính và thu nhập khác.

Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được năm 2025:

- Chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 743.874 triệu đồng, hoàn thành 92% kế hoạch đặt ra, tăng 38% so với thực hiện năm 2024.

- Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 69.427 triệu đồng, hoàn thành 66% kế hoạch đặt ra, đạt 63% so với thực hiện năm 2024.
- Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế đạt 55.346 triệu đồng, hoàn thành 66% kế hoạch đặt ra, đạt 63% so với thực hiện năm 2024.

Dù các chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt kỳ vọng kế hoạch nhưng xét về giá trị tuyệt đối, Công ty vẫn ghi nhận những nỗ lực đáng kể. Đặc biệt, tổng doanh thu thực hiện đạt 743.874 triệu đồng, dù đạt 92% kế hoạch nhưng đã tăng trưởng mạnh mẽ 38% so với năm 2024. Điều này chứng tỏ quy mô và năng lực khai thác của Công ty vẫn đang trên đà mở rộng, đặc biệt là sự đóng góp quan trọng từ việc đưa vào vận hành tàu PCT-Artemis đúng tiến độ từ đầu năm.

Kết quả năm 2025 đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực quản trị trong bối cảnh nhiều biến động, đặc biệt là việc tối ưu dòng tiền và kiểm soát chi phí tài chính. Trong điều kiện chi phí đầu vào và chi phí vận hành gia tăng, biên lợi nhuận bị thu hẹp, Công ty cần tiếp tục tăng cường công tác quản lý, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

2. Đầu tư và thanh lý tài sản

Trong năm 2025, Công ty thực hiện đầu tư thành công đối với tàu số 05 - tàu PCT-Artemis theo kế hoạch được ĐHĐCĐ bắt thường lần 1 năm 2024 phê duyệt. Dự án đầu tư tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất (19.000–25.000 DWT) được triển khai từ tháng 6/2024 và hoàn tất bằng việc mua tàu PCT-Artemis (tên cũ: Opec Victory)

- Thời gian hoàn thành và đưa vào khai thác: Tháng 01/2025.
- Nguyên giá tài sản: 634.870.262.127 đồng.

3. Công tác quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính được thực hiện chặt chẽ theo quy chế, đảm bảo cân đối dòng tiền kịp thời trên cơ sở nhu cầu thu – chi. Nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và thanh lý tài sản được sử dụng hiệu quả, đồng thời linh hoạt đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

4. Công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp

4.1 Công tác quản lý, nhân sự

Năm 2025, đội ngũ chuyên viên kỹ thuật, an toàn, quản lý làm việc tại văn phòng và thuyền viên đến 31/12/2025 là 184 người, trong đó đội ngũ thuyền viên là 130 người, người lao động trên bờ là 54 người.

4.2 Công tác an sinh xã hội, hoạt động đoàn thể

- Năm 2025, Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động, thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- Công tác nhân sự của Công ty tiếp tục được kiện toàn, góp phần nâng cao tính kiểm soát và chuyên môn hóa công tác quản lý của Công ty, đáp ứng yêu cầu của Công ty trong giai đoạn tái cấu trúc.
- Công đoàn Công ty thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động phong trào văn hóa và thể thao; các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động: gặp mặt lao động nữ nhân ngày 8/3, 20/10; tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 1/6; tổ chức thăm hỏi chu đáo đối với người lao động và gia đình.

5. Đánh giá chung những kết quả đạt được

- Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh chưa đạt kế hoạch đề ra do ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô và những biến động khó lường của thị trường vận tải biển, Công ty vẫn ghi nhận nhiều kết quả tích cực. Nổi bật là việc đầu tư thành công và đưa vào khai thác tàu PCT-Artemis đúng theo định hướng của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục duy trì và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn và kỹ thuật quốc tế như SIRE, ISM Code và ISO 9001:2015, đảm bảo đội tàu luôn trong trạng thái vận hành tối ưu, đáp ứng yêu cầu của các đối tác lớn.
- Song song với hoạt động kinh doanh, Công ty đảm bảo vận hành an toàn, không phát sinh sự cố nghiêm trọng, đồng thời chú trọng chăm lo đời sống và phúc lợi cho người lao động, góp phần ổn định và phát triển nguồn nhân lực.

II. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

1. Căn cứ xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

- Các tổ chức phân tích dự báo tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu sẽ chậm lại đáng kể, chỉ đạt khoảng 0,5%, do ảnh hưởng từ xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng và sự phân mảnh địa chính trị. Trong lĩnh vực vận tải hóa chất, thị trường được dự báo sẽ chịu áp lực nguồn cung lớn khi khoảng 46% số tàu đóng mới trong phân khúc này dự kiến được bàn giao vào năm 2026.
- Các quy định môi trường ngày càng khắt khe, đặc biệt là việc mở rộng áp dụng hệ thống EU ETS, sẽ làm gia tăng chi phí tuân thủ, tạo thêm thách thức cho các doanh nghiệp vận tải biển.
- Tuy nhiên, nhu cầu vận chuyển tính theo tấn-dặm vẫn duy trì tích cực, với mức tăng từ 30–70% trên các tuyến vận tải chính, chủ yếu do các tàu phải điều chỉnh hải trình để tránh các khu vực bất ổn, tiêu biểu là eo biển Hormuz tại Trung Đông.
- Trong bối cảnh này, Việt Nam tiếp tục nổi bật với triển vọng tăng trưởng GDP duy trì trên 6% và khả năng thu hút mạnh dòng vốn FDI, tạo nền tảng thuận lợi cho nhu cầu vận tải và thương mại.

2. Nhiệm vụ kế hoạch

2.1. Quản lý và khai thác đội tàu

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quản lý, khai thác của đội tàu Công ty sở hữu và dịch vụ quản lý tàu cho đối tác.
- Tổ chức sửa chữa định kỳ và trung gian cho tàu Loyal đảm bảo đúng tiến độ với chi phí phù hợp và đáp ứng kế hoạch khai thác tàu.

2.2. Phát triển thị trường và đầu tư

- Nghiên cứu, tìm kiếm, mở rộng thị trường đối với dòng tàu dầu/hóa chất mà Công ty sở hữu và các dự án đang đầu tư trong tương lai.
- Nghiên cứu, đánh giá thị trường để thực hiện các kế hoạch đầu tư mới.
- Tiếp tục thực hiện đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có trọng tải 25.900 DWT.

2.3. Quản lý, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả

- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại Công ty, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành; rà soát, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng nhằm bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

2.4. Chính sách cổ tức

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10% vốn điều lệ tại thời điểm thực hiện trong năm 2026.

3. Các chỉ tiêu tài chính của kế hoạch năm 2026

Theo nội dung được trình bày tại Tờ trình về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Hội đồng quản trị, các chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2026
Tổng doanh thu	737.804
Lợi nhuận trước thuế	80.019
Lợi nhuận sau thuế	64.015
Nộp NSNN	16.004

4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2026

Giải pháp về kinh doanh, khai thác:

- Sắp xếp, bố trí tàu một cách tối ưu, tiếp tục duy trì cơ chế phối hợp và xây dựng kế hoạch khai thác nhằm giữ vững thị trường vận tải dầu/hóa chất.
- Theo dõi sát diễn biến thị trường mua bán tàu; tích cực làm việc với các nhà môi giới, các chủ hàng trong khu vực để có thông tin diễn biến thị trường mua bán tàu, thị trường cước tàu, yêu cầu quản lý và các yếu tố chi phí để hoàn tất dự án đầu tư.

- Tiếp tục duy trì và xây dựng mối liên kết với các đối tác thuê tàu, tạo điều kiện cho hoạt động khai thác tàu được thuận lợi nhằm mục tiêu mở rộng thị trường.
- Tăng cường công tác marketing, xây dựng và mở rộng mối quan hệ, phối hợp với: khách hàng, cảng vụ, đăng kiểm, kho cảng, đại lý, mạng lưới brokers...

Giải pháp về quản lý, tổ chức:

- Tăng cường công tác bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp kịp thời vật tư trang thiết bị, đảm bảo các điều kiện kỹ thuật của đội tàu luôn ở trạng thái tốt, hạn chế đến mức thấp nhất thời gian tàu dừng vì lý do kỹ thuật. Duy trì SIRE của các Oil Major cho đội tàu Công ty.
- Tập trung hoàn thiện và nâng cao công tác quản lý, quản trị và bộ máy tổ chức tại PCT. Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy chế, quy định, các định mức kinh tế kỹ thuật, Hệ thống quản lý an toàn (ISM code) và MLC 2006, nâng cấp Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001:2015) để góp phần giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường tiết kiệm chi phí, công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh công nợ khó đòi, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Xây dựng, cải thiện môi trường làm việc tốt để người lao động được đóng góp và phát huy hết năng lực. Tích cực thu hút lao động giỏi, quan tâm và cải thiện đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho người lao động, tạo môi trường làm việc đoàn kết, gắn bó trong Công ty.

Trên đây là Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 cũng như định hướng kinh doanh trong năm 2026 của Giám đốc. Với sự ủng hộ của cổ đông, sự chỉ đạo sát sao và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể người lao động sẽ nỗ lực, cố gắng phát huy hết năng lực của mình để hoàn thành kế hoạch năm 2026.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, DH (1b)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thanh Huyền

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025
và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific trong năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	810.550	743.874	92
2	Lợi nhuận trước thuế	105.717	69.427	66
3	Lợi nhuận sau thuế	84.353	55.346	66
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	21.365	14.380	67

2. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 (đính kèm);
- Phê duyệt kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Phòng 2-3, Tầng 10, Riverfront Financial Centre

3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trung Quốc

Chủ tịch

Ông Lê Anh Nam

Thành viên độc lập

Ông Đặng Nguyên Đăng

Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2025)

Ông Trần Xuân Trường

Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2025)

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Thành viên

Ông Võ Ngọc Phụng

Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2025)

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025)

Ông Võ Ngọc Phụng

Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2025)

Ông Đoàn Nguyên Sơn

Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2025)

Ông Hoàng Anh Quân

Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2025)

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Chu Thị Mai Hương

Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2025)

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2025)

Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy

Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2025 và miễn nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2025)

Bà Vương Thị Thu Thủy

Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2025)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Số: 0424 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính liên quan đến việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 3 năm 2026
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Hoàng Quốc Trí
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4773-2024-001-1



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Phòng 2-3, Tầng 10, Riverfront Financial Centre

3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.151.406.425	403.056.652.360
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.938.508.375	23.172.556.710
1. Tiền	111	5	10.938.508.375	23.172.556.710
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.305.680.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	32.305.680.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.182.347.834	253.009.326.139
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	54.118.667.603	52.304.305.824
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	21.986.527.458	225.494.324.253
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	18.644.895.471	9.778.438.760
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(34.567.742.698)	(34.567.742.698)
IV. Hàng tồn kho	140		20.694.797.586	11.734.878.250
1. Hàng tồn kho	141	11	20.694.797.586	11.734.878.250
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.030.072.630	115.139.891.261
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	2.500.145.723	11.035.304.003
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13	19.525.673.292	104.104.487.258
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	4.253.615	100.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.899.675.615.801	1.495.682.542.916
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		931.657.750.000	2.200.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	8	929.457.750.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	2.200.000.000	2.200.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.865.702.605.014	1.454.379.201.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.865.702.605.014	1.454.379.201.348
- Nguyên giá	222		2.338.792.034.755	1.705.015.090.810
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(473.089.429.741)	(250.635.889.462)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		36.978.741.095	64.928.238
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	36.978.741.095	64.928.238
IV. Tài sản dài hạn khác	260		65.336.519.692	39.038.413.330
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	64.515.464.742	38.516.903.366
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	821.054.950	521.509.964
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.045.827.022.226	1.898.739.195.276

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Phòng 2-3, Tầng 10, Riverfront Financial Centre

3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MÃ SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.334.141.728.205	1.238.388.464.637
I. Nợ ngắn hạn	310		436.401.026.005	288.723.375.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	64.942.325.428	33.274.850.892
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		136.855.360	54.677.176
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	10.095.675.745	20.628.543.978
4. Phải trả người lao động	314		12.974.153.322	11.591.585.791
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	12.039.510.453	4.883.536.729
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		8.118.055.260	1.615.407.113
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.165.690.237	1.719.954.620
8. Vay ngắn hạn	320	20	322.250.878.150	214.262.267.640
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	3.677.882.050	692.551.208
II. Nợ dài hạn	330		1.897.740.702.200	949.665.089.490
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	232.462.450.000	-
2. Vay dài hạn	338	20	1.665.278.252.200	949.665.089.490
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		711.685.294.021	660.350.730.639
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	711.685.294.021	660.350.730.639
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.354.930.000	500.354.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.354.930.000	500.354.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(288.400.000)	(288.400.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		69.839.178.790	69.839.178.790
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.918.499.046	1.918.499.046
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		139.861.086.185	88.526.522.803
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		84.515.061.901	740.000.251
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		55.346.024.284	87.786.522.552
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.045.827.022.226	1.898.739.195.276


Trần Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Huyền
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Phòng 2-3, Tầng 10, Riverfront Financial Centre

3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	734.587.710.190	540.056.890.013
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		734.587.710.190	540.056.890.013
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	526.863.386.922	337.616.869.782
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		207.724.323.268	202.440.020.231
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	9.189.049.296	5.134.959.455
6. Chi phí tài chính	22	29	111.158.080.746	74.589.960.105
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		105.857.119.767	72.734.156.475
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	36.204.204.746	23.210.159.578
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		69.551.087.072	109.774.860.003
9. Thu nhập khác	31		97.399.251	338.349.498
10. Chi phí khác	32		221.806.572	49.076.825
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(124.407.321)	289.272.673
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		69.426.679.751	110.064.132.676
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	14.380.200.453	21.442.897.958
14. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	(299.544.986)	834.712.166
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		55.346.024.284	87.786.522.552
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.062	1.684
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	965	1.531


Trần Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Huyền
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2026


Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	69.426.679.751	110.064.132.676
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	223.685.358.461	153.059.821.788
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(120.924.097)	82.255.599
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.005.919.053)	(1.004.068.835)
Chi phí lãi vay	06	105.857.119.767	72.734.156.475
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	397.842.314.829	334.936.297.703
Thay đổi các khoản phải thu	09	70.905.761.026	4.122.256.743
Thay đổi hàng tồn kho	10	(8.959.919.336)	(6.527.752.997)
Thay đổi các khoản phải trả	11	278.077.185.980	43.257.348.799
Thay đổi chi phí trả trước	12	(17.463.403.096)	(40.999.129.694)
Tiền lãi vay đã trả	14	(104.452.583.646)	(71.798.323.708)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.727.422.666)	(4.674.282.742)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.026.130.060)	(2.575.006.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	590.195.803.031	255.741.407.484
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.393.895.024.984)	(780.591.029.856)
2. Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(32.305.680.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	156.527.683	1.053.145.660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.426.044.177.301)	(779.537.884.196)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.795.972.352.258	669.110.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(972.370.579.038)	(154.526.571.432)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	823.601.773.220	514.583.428.568
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(12.246.601.050)	(9.213.048.144)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	23.172.556.710	32.387.160.779
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	12.552.715	(1.555.925)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	10.938.508.375	23.172.556.710


Trần Thị Thanh Thảo
Người lập biểu


Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Huyền
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Phòng 2-3, Tầng 10, Riverfront Financial Centre

3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Global Pacific (gọi tắt là “Công ty”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 04 tháng 6 năm 2007. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 20 ngày 16 tháng 11 năm 2018 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Khí và Hóa Chất Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 27, ngày 25 tháng 3 năm 2024, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Global Pacific. Hiện nay, Công ty đang hoạt động với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 thay đổi lần thứ 31 ngày 11 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 12 tháng 9 năm 2011, với mã chứng khoán là PCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 184 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 183 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê tàu biển, tư vấn quản lý tàu biển và mua bán hàng hóa khí hóa lỏng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200 và,
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11
Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	03 - 08

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của Phương tiện vận tải, truyền dẫn của Công ty là tàu Windsor từ 7 năm lên 11 năm, bắt đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của phương tiện này. Chi tiết của việc thay đổi thời gian hữu dụng được trình bày ở Thuyết minh 14.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đi vay để đầu tư xây dựng tài sản, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và phản ánh tình hình quyết toán chi phí sửa chữa tàu định kỳ. Các chi phí đi vay được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các chi phí liên quan đến sửa chữa tàu định kỳ sẽ được chuyển sang chi phí trả trước và phân bổ từ thời điểm hoàn thành sửa chữa cho đến thời điểm sửa chữa tàu định kỳ tiếp theo.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm bao gồm các khoản phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, kiểm tra tàu và sửa chữa định kỳ tàu, phí thuê văn phòng, công cụ dụng cụ và các khoản phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Đối với tài sản cố định là tàu vận tải thì việc sửa chữa lớn sẽ mang tính chất định kỳ, bao gồm các chi phí sửa chữa và duy tu tàu theo yêu cầu kỹ thuật nhằm khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của tàu. Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ sẽ được ghi nhận khi thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ ngày phát sinh đến kỳ sửa chữa tiếp theo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho dịch vụ vận tải chưa được chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác nếu có sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

250
T
N
G
T
M
L
O
T
H
O

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	34.938.651	279.105.188
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.903.569.724	22.893.451.522
	10.938.508.375	23.172.556.710

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm sẽ đáo hạn trong 2026 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và Ngân Hàng TNHH MTV Woori Việt Nam với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,9%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã sử dụng một số khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng cho vay hạn mức tại ngân hàng này với số tiền là 4.000.000.000 đồng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Bên thứ ba		
Maersk Tankers A/S	21.175.738.310	25.090.116.102
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.017.952.005	15.017.952.005
Các khách hàng khác	17.820.461.158	12.196.237.717
b. Bên liên quan		
(Thuyết minh số 34)	104.516.130	-
	54.118.667.603	52.304.305.824

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương	-	207.485.300.000
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	13.381.028.500
Khác	8.605.498.958	4.627.995.753
	21.986.527.458	225.494.324.253
b. Dài hạn		
Wuhu Shipyard Co., Ltd. (*)	929.457.750.000	-

(*) Trong năm, Công ty đã ứng trước cho nhà cung cấp với tổng số tiền là 35.560.000 Đô la Mỹ (tương đương 929.457.750.000 Đồng) để thực hiện đóng 04 chở dầu/hóa chất có tải trọng khoảng 25.900 DWT mỗi tàu. Công ty đã nhận được bảo lãnh từ Ngân hàng Industrial Bank Co., Ltd Wuhu Branch cho hợp đồng giao dịch với Wuhu Shipyard Co., Ltd.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu từ các công ty bảo hiểm (*)	4.803.494.192	6.187.916.234
Tạm ứng cho nhân viên	5.623.987.640	1.670.994.567
Các khoản ký quỹ ngắn hạn (**)	6.808.095.760	317.696.760
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.409.317.879	1.601.831.199
	18.644.895.471	9.778.438.760
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ dài hạn	2.200.000.000	2.200.000.000

(*) Đây là các khoản phải thu bồi thường bảo hiểm cho các chi phí sửa chữa liên quan đến các sự cố tàu. Tại ngày lập báo cáo, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục, hồ sơ để thu hồi lại các khoản bồi thường này từ các công ty bảo hiểm.

(**) Đây là khoản ký quỹ thực hiện hợp đồng của Công ty cho đơn vị vận hành theo thỏa thuận "Pool" với Maersk Tankers A/S.

10. NỢ KHÓ ĐÒI

	Số đầu năm và số cuối năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng			
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.017.952.005	532.961.224	14.484.990.781
Công ty TNHH TMDV Khí đốt Nam Việt	3.621.148.541	-	3.621.148.541
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.137.576.627	66.057.751	3.071.518.876
Các khoản trả trước cho người bán			
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	-	13.381.028.500
Các khoản phải thu khác	9.056.000	-	9.056.000
	35.166.761.673	599.018.975	34.567.742.698

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.855.694.273	7.711.616.840
Công cụ, dụng cụ	4.833.987.573	4.023.261.410
Hàng hóa	5.115.740	-
	20.694.797.586	11.734.878.250

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phí thuê văn phòng	-	8.507.065.933
Phí bảo hiểm	2.168.935.903	1.745.703.744
Chi phí ấn phẩm hàng hải, hải đồ điện tử	331.209.820	782.534.326
	2.500.145.723	11.035.304.003
b. Dài hạn		
Phí đăng kiểm, kiểm tra và sửa chữa định kỳ	50.094.290.599	34.079.470.299
Chi phí tư vấn tài chính	3.089.899.994	3.651.699.999
Chi phí bảo lãnh hợp đồng	5.082.744.337	-
Công cụ, dụng cụ	601.440.000	785.733.068
Khác	5.647.089.812	-
	64.515.464.742	38.516.903.366

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

Các khoản phải thu	Số đầu năm VND	Số tăng thuần trong năm VND	Số đã hoàn trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (*)	104.104.487.258	4.462.000.504	89.040.814.470	19.525.673.292
Khác	100.000	4.153.615	-	4.253.615
	104.104.587.258	4.466.154.119	89.040.814.470	19.529.926.907

(*) Đây là thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh từ các giao dịch mua sắm tài sản và chi phí hoạt động kinh doanh, các khoản này sẽ được hoàn lại hoặc khấu trừ với nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng đầu ra phải trả phát sinh trong tương lai.

Trong năm, Công ty đã nộp hồ sơ và nhận được khoản hoàn thuế với số tiền là 89.040.814.470 đồng.

Các khoản phải trả	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	293.141.467	293.141.467	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	200.488.002	200.488.002	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.442.897.958	14.380.200.453	24.727.422.666	10.095.675.745
Thuế thu nhập cá nhân	185.646.020	1.088.512.477	1.274.158.497	-
Khác	-	309.074.114	309.074.114	-
	20.628.543.978	16.271.416.513	26.804.284.746	10.095.675.745

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	623.873.636	1.703.552.931.823	838.285.351	1.705.015.090.810
Tăng trong năm	-	634.967.762.127	41.000.000	635.008.762.127
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.231.818.182)	-	(1.231.818.182)
Số dư cuối năm	623.873.636	2.337.288.875.768	879.285.351	2.338.792.034.755
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu năm	413.573.799	249.721.643.379	500.672.284	250.635.889.462
Khấu hao trong năm	-	223.493.299.875	192.058.586	223.685.358.461
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.231.818.182)	-	(1.231.818.182)
Số dư cuối năm	413.573.799	471.983.125.072	692.730.870	473.089.429.741
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	210.299.837	1.453.831.288.444	337.613.067	1.454.379.201.348
Tại ngày cuối năm	210.299.837	1.865.305.750.696	186.554.481	1.865.702.605.014

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp các tài sản:

- Tàu vận tải Goby có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 243.242.578.696 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 274.294.822.792 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 01 năm 2025.
- Tàu vận tải Orion có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 305.800.842.611 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 343.897.933.523 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 01 năm 2025.
- Tàu vận tải Loyal có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 252.878.198.227 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 298.169.815.819 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 01 năm 2025.
- Tàu vận tải Windsor có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 482.585.854.545 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 533.184.633.525 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng thế chấp ngày 31 tháng 7 năm 2024.
- Tàu vận tải Artemis có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 577.309.932.886 để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp ngày 13 tháng 01 năm 2025.
- Xe Toyota có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.824.387.481 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.385.737.485 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tài chính Toyota Việt Nam.

Các phương tiện vận tải trên có tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là 2.333.230.103.042 đồng và 1.863.641.794.446 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 1.698.359.840.915 đồng và 1.451.932.943.144 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.880.861.576 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.846.507.031 đồng).

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty là tàu Windsor từ 7 năm sang 11 năm, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của phương tiện này. Nếu thời gian hữu dụng trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm sẽ tăng với số tiền là 30.957.423.192 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ giảm với số tiền tương ứng.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là chi phí phát sinh liên quan đến việc đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất mỗi tàu có tải trọng khoảng 25.900 DWT.

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm:

	Chi phí lãi vay	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Chi phí phải trả	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.327.112.804	-	29.109.326	1.356.222.130
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(1.327.112.804)	-	492.400.638	(834.712.166)
Số dư đầu năm	-	-	521.509.964	521.509.964
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	-	(30.516.743)	330.061.729	299.544.986
Số dư cuối năm	-	(30.516.743)	851.571.693	821.054.950

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hưng Phát	6.713.050.526	7.428.656.400
Công ty Cổ phần Hàng hải Liên Minh	6.381.615.857	2.443.063.309
Công ty Cổ phần Thương mại Minh Dũng	4.440.693.338	1.962.458.089
Khác	46.897.365.249	21.440.673.094
b. Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	509.600.458	-
	64.942.325.428	33.274.850.892

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa và vận hành tàu	7.210.274.491	1.834.844.988
Chi phí lãi vay	3.511.277.600	2.106.741.479
Khác	1.317.958.362	941.950.262
	12.039.510.453	4.883.536.729

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	182.990.470	69.502.527
Các khoản ký quỹ	937.058.585	937.058.585
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.045.641.182	713.393.508
	2.165.690.237	1.719.954.620
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ (*)		
(Thuyết minh số 34)	232.462.450.000	-

(*) Đây là khoản ký quỹ từ Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, bên liên quan, để thuê 02 tàu chở dầu/hóa chất đóng mới có tải trọng mỗi tàu khoảng 25.900 DWT. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, các tàu vẫn đang trong quá trình đóng mới. Công ty đã mở bảo lãnh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong để đảm bảo cho khoản phải trả này.



20. VAY

	Số đầu năm VND Giá trị	Tăng	Phân loại lại	Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
				Thanh toán	VND	Giá trị	VND
Vay ngắn hạn	-	11.712.152.258	-	-	-	-	11.712.152.258
Vay dài hạn đến hạn trả	214.262.267.640	-	549.306.059.207	(453.029.600.955)	-	310.538.725.892	310.538.725.892
Vay dài hạn	949.665.089.490	1.784.260.200.000	(549.306.059.207)	(519.340.978.083)	-	1.665.278.252.200	1.665.278.252.200
	1.163.927.357.130	1.795.972.352.258	-	(972.370.579.038)	-	1.987.529.130.350	1.987.529.130.350

Chi tiết số dư các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

a. Vay ngắn hạn

Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (i)

b. Vay dài hạn đến hạn trả

Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (ii)

Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh (iii)

Ngân hàng TMCP Phương Đông (iv)

Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn (v)

c. Vay dài hạn

Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (ii)

Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh (iii)

Ngân hàng TMCP Phương Đông (iv)

Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn (v)

Ông Lương Đức Tuấn (vi)

Bà Lương Diệu Linh

Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
11.712.152.258	-

422.571.432	422.571.432
250.380.458.252	-
59.735.696.208	59.735.696.208
-	154.104.000.000
310.538.725.892	214.262.267.640

528.214.266	950.785.698
1.295.112.408.433	-
273.788.607.584	333.524.303.792
-	339.340.000.000
95.849.021.917	165.850.000.000
-	110.000.000.000
1.665.278.252.200	949.665.089.490

- (i) Vay ngắn hạn tại Ngân Hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số VN125009886/WBVN201 ngày 09 tháng 12 năm 2025 để bổ sung vốn lưu động với hạn mức 30 tỷ đồng có thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 07 tháng 12 năm 2026 và có lãi suất từ 5,5%/năm đến 5,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty tại ngân hàng này (Thuyết minh số 5) và được bảo lãnh bởi ông Đặng Nguyễn Đăng, cổ đông lớn. Số tiền vay được hoàn trả vào cuối thời hạn vay.
- (ii) Vay Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1000576636 ngày 17 tháng 3 năm 2021 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất ban đầu là 6,99%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo từ bên cho vay, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty là xe Toyota (xem Thuyết minh số 14).
- (iii) Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 274242.25.151.1108803 ngày 13 tháng 01 năm 2025 để tài trợ và bù đắp cho chi phí mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8,2%/năm (áp dụng trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần. Số tiền gốc vay được hoàn trả theo lịch thanh toán nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Goby, tàu Orion và tàu Loyal (xem Thuyết minh số 14).
 - Hợp đồng tín dụng số 271098.24.151.1108803.TD ngày 02 tháng 01 năm 2025 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8,2%/năm (áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả vào ngày 10 hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 10 tháng 02 năm 2025. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Artemis (xem Thuyết minh số 14).
 - Hợp đồng tín dụng số 301281.25.151.1108803.TD ngày 14 tháng 5 năm 2025 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8,2%/năm (áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả theo lịch trả nợ hằng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp 4 tàu chở dầu/hóa chất đang trong quá trình đóng mới có trọng tải mỗi tàu là 25.900 DWT.
- (iv) Vay Ngân hàng thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng số 0076/2024/HĐTD-OCB-DN ngày 27 tháng 6 năm 2024 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 8%/năm (cố định trong 12 tháng đầu), được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo từ bên cho vay, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2024. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 1 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Windsor (xem thuyết minh số 14).
- (v) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng để mua sắm phương tiện vận tải. Trong năm, Công ty đã tất toán sớm các khoản nợ này.
- (vi) Các khoản vay với Ông Lương Đức Tuấn bao gồm Hợp đồng vay tiền số 109/2024/PCT-LDT ngày 19 tháng 09 năm 2024 với mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất 9,4%/năm, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2024. Theo hợp đồng, 20% số tiền vay được hoàn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày giải ngân và 80% khoản vay còn lại được trả vào cuối kỳ hoặc có thỏa thuận khác. Trong năm 2025, Công ty đã nhận được thông báo của ông Lương Đức Tuấn về việc không tính lãi suất của hợp đồng vay này cho đến khi có thỏa thuận khác. Hợp đồng vay tiền số 111/2024/PCT-LDT ngày 24 tháng 12 năm 2024 với mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất 9,4%/năm đối với năm đầu tiên, năm tiếp theo điều chỉnh lãi suất định kỳ 6 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2024. Trong năm 2025, Công ty đã thanh toán một phần gốc vay của hợp đồng này cho ông Lương Đức Tuấn. Khoản vay còn lại sẽ được trả vào cuối kỳ hoặc khi có thỏa thuận khác.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	310.538.725.892	214.262.267.640
Trong năm thứ hai	307.041.981.898	949.665.089.490
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	549.580.722.434	-
Sau năm năm	808.655.547.868	-
	1.975.816.978.092	1.163.927.357.130
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	(310.538.725.892)	(214.262.267.640)
Số phải trả sau 12 tháng	1.665.278.252.200	949.665.089.490

21. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi	Chi quỹ	Số cuối năm
	VND	nhuận trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
Quỹ khen thưởng	264.616.764	1.700.000.000	68.000.000	1.896.616.764
Quỹ phúc lợi	427.934.444	1.811.460.902	458.130.060	1.781.265.286
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	500.000.000	500.000.000	-
Cộng	692.551.208	4.011.460.902	1.026.130.060	3.677.882.050

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cổ phần	Số cuối năm	Số cổ phần	Số đầu năm
		VND		VND
Được phép phát hành	50.035.493	500.354.930.000	50.035.493	500.354.930.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	50.035.493	500.354.930.000	50.035.493	500.354.930.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ phần sở hữu của các cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)
Ông Đỗ Anh Việt	-	0,00	0,00	132.960.000.000	26,57	26,57
Bà Trần Thị Thu Hà	111.552.800.000	22,29	22,29	111.552.800.000	22,29	22,29
Ông Trần Vọng Phúc	110.730.520.000	22,13	22,13	110.730.520.000	22,13	22,13
Ông Cao Đức Sơn	117.882.800.000	23,56	23,56	92.862.800.000	18,56	18,56
Ông Đặng Nguyễn Đăng	107.940.000.000	21,57	21,57	-	-	-
Các cổ đông khác	52.248.810.000	10,44	10,44	52.248.810.000	10,44	10,44
	500.354.930.000	100,00	100,00	500.354.930.000	100,00	100,00

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	500.354.930.000	(223.600.000)	839.178.790	1.918.499.046	72.880.683.447	575.769.691.283	
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	87.786.522.552	87.786.522.552	
Lợi nhuận trong năm	-	-	69.000.000.000	-	(69.000.000.000)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.640.683.196)	(2.640.683.196)	
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)	
Khác	-	(64.800.000)	-	-	-	(64.800.000)	
Số dư cuối năm trước	500.354.930.000	(288.400.000)	69.839.178.790	1.918.499.046	88.526.522.803	660.350.730.639	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	55.346.024.284	55.346.024.284	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(3.511.460.902)	(3.511.460.902)	
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (*)	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)	
Số dư cuối năm này	500.354.930.000	(288.400.000)	69.839.178.790	1.918.499.046	139.861.086.185	711.685.294.021	

(*) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành của Công ty với số tiền lần lượt là 3.511.460.902 đồng, và 500.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ-PCT-ĐHCD, Công ty đã tạm hoãn việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đến hết Quý 2 năm 2026.

Trong năm, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 50.035.493.000 đồng. Đến ngày 27 tháng 10 năm 2025, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 02/2025/NQ-PCT-ĐHCD, Công ty đã tạm hoãn việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đến hết Quý 2 năm 2026.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 02/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 27 tháng 10 năm 2025, Công ty quyết định ngừng phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trước đó và đổi thành phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán là 30.000.000 cổ phiếu tương ứng với số tiền theo mệnh giá là 300.000.000.000 đồng. Theo đó, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán số 80/2025/PCT-GDK ngày 23 tháng 12 năm 2025. Ngày 16 tháng 01 năm 2026, Công ty đã nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp nhận Hồ sơ đăng ký chào bán nói trên và đề nghị Công ty công bố thông tin và thực hiện theo quy định tại điều 48 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020. Công ty đang thực hiện việc chào bán cổ phiếu, gửi thông báo và yêu cầu chuẩn bị góp vốn đến các cổ đông theo Phương án tăng vốn.



23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	178.961	672.099,36
Euro ("EUR")	796,76	160,96

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Long Tân	643.278.863	643.278.863
Tạm ứng của lái xe Taxi đội 1	406.826.607	406.826.607
Tạm ứng mua nhiên liệu cho lái xe Taxi	584.972.173	584.972.173
Các đối tượng khác	1.270.557.482	1.270.557.482
	2.905.635.125	2.905.635.125

Các khoản nợ phải thu trên đã được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo Quyết định số 253/QĐ-PCT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Công ty.

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý tàu và Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý tàu.
- Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

31/12/2025	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	10.612.489.639	2.813.817.011.200	7.703.720.664	2.832.133.221.503
Tài sản không phân bổ				213.693.800.723
Tổng Tài sản				3.045.827.022.226
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận		- 2.125.760.319.737	-	2.125.760.319.737
Nợ phải trả không phân bổ				208.381.408.468
Tổng Nợ phải trả				2.334.141.728.205

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

31/12/2024	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	10.456.714.185	1.476.373.818.520	1.327.508.641	1.488.158.041.346
Tài sản không phân bổ				410.581.153.930
Tổng Tài sản				1.898.739.195.276
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	-	903.400.313.639	-	903.400.313.639
Nợ phải trả không phân bổ				334.988.150.998
Tổng Nợ phải trả				1.238.388.464.637

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.432.011.035	696.148.187.634	20.007.511.521	734.587.710.190
Giá vốn	(18.115.612.814)	(496.595.337.657)	(12.152.436.451)	(526.863.386.922)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	316.398.221	199.552.849.977	7.855.075.070	207.724.323.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(36.204.204.746)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				171.520.118.522
Doanh thu hoạt động tài chính				9.189.049.296
Chi phí tài chính				(111.158.080.746)
Lợi nhuận khác				(124.407.321)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				69.426.679.751
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(14.380.200.453)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				299.544.986
Lợi nhuận trong năm				55.346.024.284
Thông tin khác				
Khấu hao				223.685.358.461

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.996.005.250	498.200.884.763	32.860.000.000	540.056.890.013
Giá vốn	(8.836.210.699)	(310.874.181.342)	(17.906.477.741)	(337.616.869.782)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.794.551	187.326.703.421	14.953.522.259	202.440.020.231
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(23.210.159.578)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				179.229.860.653
Doanh thu hoạt động tài chính				5.134.959.455
Chi phí tài chính				(74.589.960.105)
Lợi nhuận khác				289.272.673
Lợi nhuận kế toán trước thuế				110.064.132.676
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(21.442.897.958)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(834.712.166)
Lợi nhuận trong năm				87.786.522.552
Thông tin khác				
Khấu hao				153.059.821.788

Bộ phận theo khu vực địa lý

Về mặt địa lý, doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý tàu, bán hàng thương mại và dịch vụ khác toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam (trình bày tại Thuyết minh số 25 và 26), trong khi doanh thu dịch vụ vận tải được thực hiện ở quốc tế.

Chi tiết doanh thu và giá vốn theo khu vực địa lý như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu theo khu vực địa lý		
Doanh thu quốc tế	696.148.187.634	506.759.253.648
Doanh thu nội địa	38.439.522.556	33.297.636.365
	734.587.710.190	540.056.890.013
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn theo khu vực địa lý		
Giá vốn quốc tế	496.595.337.657	319.517.457.365
Giá vốn nội địa	30.268.049.265	18.099.412.417
	526.863.386.922	337.616.869.782

Do đặc thù kinh doanh vận tải bằng tàu biển, tàu biển có thể vừa chạy tuyến nội địa, vừa chạy tuyến quốc tế nên Ban Giám đốc không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ vận tải	696.148.187.634	498.200.884.763
Doanh thu dịch vụ tư vấn quản lý tàu	20.007.511.521	32.860.000.000
Doanh thu bán hàng thương mại và dịch vụ khác	18.432.011.035	8.996.005.250
	734.587.710.190	540.056.890.013

26. GIÁ VỐN HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	496.595.337.657	310.874.181.342
Giá vốn dịch vụ tư vấn quản lý tàu	12.152.436.451	17.906.477.741
Giá vốn bán hàng thương mại và dịch vụ khác	18.115.612.814	8.836.210.699
	526.863.386.922	337.616.869.782

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.259.588.766	24.140.104.501
Chi phí nhân công	91.365.653.661	77.943.356.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	223.685.358.461	153.059.821.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.743.990.780	105.383.246.233
Chi phí khác bằng tiền	13.000.000	300.500.000
	563.067.591.668	360.827.029.360

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.005.919.053	35.423.308
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.183.128.435	4.081.813.795
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.808	1.017.722.352
	9.189.049.296	5.134.959.455

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	105.857.119.767	72.734.156.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.599.237.884	1.451.307.628
Chi phí tài chính khác	2.701.723.095	404.496.002
	111.158.080.746	74.589.960.105

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với số tiền là 35.744.809.007 vào giá trị Chi phí xây dựng dở dang dài hạn liên quan đến việc đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất (Thuyết minh số 15)

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.453.068	149.150.425
Chi phí cho nhân viên	12.487.454.877	4.626.439.298
Chi phí khấu hao tài sản cố định	982.646.090	717.152.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.708.650.711	17.416.916.992
Chi phí khác	13.000.000	300.500.000
	36.204.204.746	23.210.159.578

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	69.426.679.751	110.064.132.676
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>5.047.899.682</i>	<i>3.973.674.683</i>
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>2.905.680.165</i>	<i>6.823.317.575</i>
Thu nhập tính thuế	71.568.899.268	107.214.489.784
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.313.779.854	21.442.897.958
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	66.420.599	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.380.200.453	21.442.897.958

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

32. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	55.346.024.284	87.786.522.552
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.213.840.971)	(3.511.460.902)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	53.132.183.313	84.275.061.650
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phần)	50.035.493	50.035.493
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.062	1.684

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế của năm tài chính như trên và số liệu ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 4% lợi nhuận sau thuế. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại do ảnh hưởng của số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

	Số đã báo cáo	Thay đổi	Số trình bày lại
	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	87.786.522.552	-	87.786.522.552
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.145.056.579)	2.633.595.677	(3.511.460.902)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	81.641.465.973	2.633.595.677	84.275.061.650
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	50.035.493	-	50.035.493
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.632	53	1.684

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Đại hội đồng cổ đông của Công ty năm 2025 đã phê duyệt việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2024 với tỷ lệ là 10%. Theo đó, việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lợi nhuận:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	53.132.183.313	84.275.061.650

Số cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.035.493	50.035.493
Anh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	5.003.549	5.003.549
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	55.039.042	55.039.042

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
		(Trình bày lại)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	53.132.183.313	84.275.061.650
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	55.039.042	55.039.042
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	965	1.531

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	9.773.730.433	8.086.487.332

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	8.409.170.000	6.681.572.543
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	19.616.394.000	29.773.058.000
	28.025.564.000	36.454.630.543

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải thanh toán cho việc thuê văn phòng Công ty và các khoản thuê hoạt động khác. Hợp đồng thuê văn phòng được ký mới với thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 14 tháng 11 năm 2028.

Công ty là bên cho thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	696.865.187.634	498.638.521.128

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	702.657.081.079	509.260.210.005
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	900.915.355.177	1.308.364.200.000
	1.603.572.436.256	1.817.624.410.005

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền Công ty sẽ thu từ Seastar Maritime Co. Ltd và Maersk Tankers A/S từ việc cho thuê các tàu Loyal, Goby, Orion, Windsor và Artemis. Khoản ước tính này dựa trên đơn giá cho thuê tàu mới cập nhật tại thời điểm lập báo cáo và có thể thay đổi tùy theo tình hình thị trường.

Trong năm, Công ty đã ký kết hợp đồng cho thuê tàu trần với Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt, bên liên quan, để cho thuê 2 tàu dầu/hóa chất đóng mới với thời hạn thuê là 10 năm bắt đầu từ thời điểm bàn giao tàu.

Cam kết đầu tư tài sản có giá trị lớn

Căn cứ theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-PCT-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án đầu tư đóng mới 04 tàu chở dầu/hóa chất có tải trọng mỗi tàu khoảng 25.900 DWT với giá trị đầu tư không vượt quá 48.155.800 Đô la Mỹ/tàu. Đến ngày 24 tháng 3 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết 01/2025/NQ-PCT-ĐHĐCĐ có nội dung phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư không vượt quá 47.987.800 Đô la Mỹ/tàu.

Theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-PCT-HĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc nhận chuyển nhượng 04 hợp đồng đóng mới từ Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương với giá đóng mới là 44.825.000 Đô la Mỹ/tàu để thực hiện phương án đầu tư đóng mới 04 tàu nêu trên. Tại ngày 26 tháng 02 năm 2025, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng nhận chuyển nhượng này với Công ty TNHH Vận tải Biển Châu Á Thái Bình Dương và Wuhu Shipyard Co., Ltd.

Trong năm, Công ty đã ứng trước cho Wuhu Shipyard Co., Ltd. với tổng số tiền là 35.560.000 Đô la Mỹ (Thuyết minh số 8) để thực hiện hợp đồng.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Đỗ Anh Việt	Cổ đông sở hữu 26,57% vốn góp đến ngày 13 tháng 5 năm 2025
Bà Trần Thị Thu Hà	Cổ đông sở hữu 22,29% vốn góp
Ông Trần Vọng Phúc	Cổ đông sở hữu 22,13% vốn góp
Ông Cao Đức Sơn	Cổ đông sở hữu 23,56% vốn góp
Ông Đặng Nguyên Đăng	Cổ đông sở hữu 21,57% vốn góp từ ngày 13 tháng 5 năm 2025
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Công ty chung người quản lý
Công ty Cổ phần Nguồn lực Thuyền viên KPI	Công ty chung người quản lý
Công ty TNHH Vận Tải Biển Ocean Express	Công ty chung người quản lý

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	390.000.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Biển Ocean Express	96.774.194	-
	486.774.194	-
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Vận Tải Biển Ocean Express	240.802.080	-
Công ty Cổ phần Nguồn lực Thuyền viên KPI	1.531.810.703	-
	1.772.612.783	-
Nhận tiền đặt cọc		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	232.462.450.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Vận Tải Biển Ocean Express	104.516.130	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Nguồn lực Thuyền viên KPI	382.353.428	-
Công ty TNHH Vận Tải Biển Ocean Express	127.247.030	-
	509.600.458	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Trần Trung Quốc	132.031.312	70.000.000
Ông Lê Anh Nam	108.031.312	56.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	116.481.269	71.000.000
Ông Võ Ngọc Phụng	78.967.742	56.000.000
Ông Đặng Nguyên Đăng	17.290.323	-
Ông Trần Xuân Trường	17.290.323	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	-	273.445.840
Ông Phạm Xuân Quang	-	56.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	-	15.000.000
Bà Lê Thị Mai	-	15.000.000
Ông Nguyễn Sơn Lâm	-	15.000.000
Ông Lê Hoàng Phương	-	6.000.000
	470.092.281	633.445.840

Ban Điều hành		
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	361.215.600	-
Ông Võ Ngọc Phụng	520.423.669	680.987.280
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	384.703.908	359.311.477
Ông Đoàn Nguyên Sơn	563.082.538	708.737.000
Ông Hoàng Anh Quân	151.366.248	179.844.000
Bà Lê Thanh Chi	683.198.990	482.254.495
Bà Lê Thị Mai	-	82.585.759
Ông Nguyễn Sơn Lâm	-	220.744.563
Ông Nguyễn Văn Kiều	-	111.103.545
Ông Phạm Xuân Quang	-	276.535.914
	2.663.990.953	3.102.104.033

Ban Kiểm soát		
Bà Chu Thị Mai Hương	66.548.312	21.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	69.726.615	221.306.880
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	48.031.313	21.000.000
Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy	21.387.903	-
Bà Vương Thị Thu Thủy	6.483.871	-
Bà Đặng Thị Dung	8.505.871	10.000.000
Bà Đào Ngọc Mai	8.505.871	7.500.000
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	8.505.871	7.500.000
	237.695.627	288.306.880

250
 INH
 3 T
 M T
 LOI
 T I
 Ồ HI

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 3.511.277.600 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.106.741.479 đồng), là số tiền lãi phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm 929.457.750.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 207.485.300.000 đồng), là số tiền Công ty đã trả trước cho người bán liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong tương lai. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu từ cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm số tiền 849.391.370 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: không phát sinh), là số tiền trích trước lãi tiền gửi chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, Công ty đã nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp nhận Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đề nghị Công ty công bố thông tin và thực hiện theo Quy định tại Điều 48 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang thực hiện việc chào bán cổ phiếu, gửi thông báo và yêu cầu chuẩn bị góp vốn đến các cổ đông theo Phương án tăng vốn. Đồng thời, các cổ đông đăng ký mua cổ phiếu riêng lẻ đang thực hiện việc góp vốn này.



Trần Thị Thanh Thảo
Người lập biểu



Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

T.C.P.H.





Văn phòng Hà Nội

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza,
16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7107 0000

Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 7101 4555

Website: www.deloitte.com/vn
Email: deloittevietnam@deloitte.com

© Deloitte Vietnam

TỜ TRÌNH

Về việc trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2025 của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC năm 2025 đã được kiểm toán	139.861.086.185	
1.1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	84.515.061.901	
1.2	Lợi nhuận thực hiện năm 2025	55.346.024.284	(1)
2	Lợi nhuận phân phối	53.302.794.214	
2.1	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.767.301.214	5%*(1)
2.2	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	500.000.000	
2.3	Chia cổ tức bằng cổ phiếu*	50.035.493.000	
3	Lợi nhuận còn lại	86.558.291.971	

(*) Mức chi cổ tức bằng cổ phiếu là 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết số 01/2025/NQ_PCT-ĐHCD ngày 24/3/2025. Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được triển khai sau khi Công ty hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết số 02/2025/NQ_PCT-ĐHCD ngày 27/10/2025.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung nêu trên.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Trung Quốc

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Căn cứ tình hình thị trường và năng lực của Công ty, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific, cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu Kế hoạch tài chính năm 2026:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng doanh thu	737.804
2	Lợi nhuận trước thuế	80.019
3	Lợi nhuận sau thuế	64.015
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	16.004

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (nếu cần) để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty trong năm 2026.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).



Số: 04/2026/TTr-PCT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2025 và Kế hoạch thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo thù lao của thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) thực hiện năm 2025 và Kế hoạch thù lao năm 2026 của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific, cụ thể như sau:

1. Báo cáo thù lao của thành viên HĐQT và BKS năm 2025:
 - Đối với thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: Tiền lương, tiền thưởng thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.
 - Đối với thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:
 - Mức thù lao năm 2025 được phê duyệt tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 24/3/2025 như sau:

+ Chủ tịch HĐQT	: 10.000.000 đồng/người/tháng.
+ Thành viên HĐQT	: 8.000.000 đồng/người/tháng.
+ Trưởng BKS	: 5.000.000 đồng/người/tháng.
+ Thành viên BKS	: 3.000.000 đồng/người/tháng.
 - Tổng thù lao đã trả cho thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2025: 543.937.161 đồng (Năm trăm bốn mươi ba triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi một đồng).
2. Kế hoạch thù lao của thành viên HĐQT và BKS dự kiến năm 2026:
 - Đối với thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: Tiền lương, tiền thưởng thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.
 - Đối với thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:
 - Mức thù lao chỉ trả năm 2026 như sau:

+ Chủ tịch HĐQT	: 10.000.000 đồng/người/tháng.
-----------------	--------------------------------

- + Thành viên HĐQT : 8.000.000 đồng/người/tháng.
- + Trưởng BKS : 5.000.000 đồng/người/tháng.
- + Thành viên BKS : 3.000.000 đồng/người/tháng.
- Tổng thù lao dự kiến trả cho thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2026 là 636.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).



Số: 01/2026/TTr-PCT-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán của Công ty cho năm 2026, Ban kiểm soát đã xem xét, đánh giá các công ty kiểm toán có nhiều kinh nghiệm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận. Ban kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2026, cụ thể:
 - 1.1. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
 - 1.2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
 - 1.3. Công ty TNHH KPMG.
2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm; soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2026 theo quy định hiện hành.

Trân trọng kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, BKS (1b).



TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;
- Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Nhằm tối ưu hóa công tác quản trị và chi phí vận hành trong thời gian tới, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, cụ thể như sau:

1. Thay đổi địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ trụ sở chính đã đăng ký: Phòng 2-3, tầng 10, Riverfront Financial Centre, 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Địa chỉ trụ sở chính dự kiến thay đổi: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Sửa đổi Điều lệ Công ty như sau:

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty
...	...
2. Trụ sở đăng ký của Công ty là:	2. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
- Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 2-3, tầng 10, Riverfront Financial Centre, 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	- Địa chỉ trụ sở chính: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3. Giao Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật triển khai thực hiện các thủ tục cần thiết để điều chỉnh địa chỉ trụ sở chính, sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh

nghiệp và thực hiện các công việc cần thiết khác phát sinh từ việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Signature]

Trần Trung Quốc

Số: 06/2026/TTr-PCT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Trong bối cảnh các quy định về quản trị công ty có nhiều thay đổi đáng kể, việc cập nhật Điều lệ cho thấy trách nhiệm tuân thủ và tạo nền tảng nhằm duy trì sự minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty trên nguyên tắc đảm bảo sự tương thích với các khuôn khổ pháp lý hiện hành.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhân:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

ĐIỀU LỆ

(Sửa đổi và có hiệu lực áp dụng kể từ ngày .../.../2026)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 9. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 10. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Thay đổi các quyền	15
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .	15
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	19
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	26
Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty	27

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	27
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	27
Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp	27
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	28
IX. BAN KIỂM SOÁT	28
Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	28
Điều 35. Kiểm soát viên	29
Điều 36. Trưởng Ban kiểm soát	29
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	31
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33
Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	33
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	33
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	33
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	34
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	34
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	34
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	34
Điều 46. Năm tài chính	34
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	35
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	35
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	35
Điều 50. Kiểm toán	35
XVII. DẤU CỦA CÔNG TY	36
Điều 51. Dấu của Công ty	36
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	36
Điều 52. Giải thể Công ty	36
Điều 53. Gia hạn hoạt động	36
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	37
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	37
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	38
Điều 56. Điều lệ công ty	38
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	38

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 25 tháng 06 năm 2021, được sửa đổi lần 2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022 tổ chức vào ngày 25 tháng 10 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 07 tháng 09 năm 2023, được sửa đổi lần 3 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 27 tháng 3 năm 2024, được sửa đổi lần 4 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 16 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ phần Vận tải Biển Global Pacific.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - d. “*Luật Chứng khoán*” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - e. “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
 - f. “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. “*Người điều hành doanh nghiệp*” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc phù hợp với cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - h. “*Người quản lý doanh nghiệp*” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
 - i. “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - k. “*Cổ đông lớn*” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l. “*Chủ sở hữu hưởng lợi*” là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với Công ty;

m. “*Thời hạn hoạt động*” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

n. “*Sở Giao dịch chứng khoán*” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: GLOBAL PACIFIC SHIPPING JOINT STOCK COMPANY

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Điện thoại: (028) 62582 330/6 2582 331

- Fax: (028) 62582 334

- Email: info.pct@tanker.com.vn

- Website: www.pct.com.vn

3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
- b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Cung ứng nguồn nhân lực khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất điện từ nguồn không tái tạo;
- Sản xuất điện từ nguồn tái tạo;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thực phẩm;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Quảng cáo;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác;
- Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh theo các lĩnh vực, ngành nghề đã đăng ký đảm bảo bảo toàn, phát triển nguồn vốn và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các Cổ đông; Cung cấp dịch vụ quản lý tàu chuyên nghiệp và đem lại sự hài lòng cho khách hàng; Đảm bảo công việc ổn định và các quyền lợi - lợi ích cho người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này và đã công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ của Công ty là 500.354.930.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 50.035.493 (*Bằng chữ: Năm mươi triệu ba mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi ba cổ phần*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (*mười nghìn*) đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông thì cổ phần phổ thông được chào bán phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần phổ thông mà cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các cổ đông và các đối tượng khác với điều kiện và cách thức không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành trái phiếu và các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán Công ty, trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

1. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
2. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện quyền biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo Điều lệ công ty và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ khác và sau các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có);
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc (ii) khi Hội đồng quản trị vi phạm Điều lệ Công ty hoặc thực hiện trái với các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 23, Điều 34 của Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định

của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số được quy định tại Điều lệ Công ty;
- d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên;
- e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp theo quy định tại điểm d Khoản 3 Điều này hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm cho từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp nhận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; được sửa đổi bởi Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025.
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự cuộc họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 15. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17, 18 và 19 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ này.
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy

định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Nếu không đủ tỷ lệ cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp hủy cuộc họp.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông. Trình tự đăng ký cổ đông dự họp được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
11. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp sau đây:

- a. Định hướng phát triển công ty;
- b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- c. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- d. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước ngày thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Các nội dung chủ yếu của phiếu lấy ý kiến, cách thức gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty, điều kiện để đảm bảo tính hợp lệ của phiếu lấy ý kiến và biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức danh quản lý Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Các quy định chi tiết về biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.
4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Toà án huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 22 Điều lệ này thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Toà án có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc Đại hội.

Điều 22. Yêu cầu huỷ bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là

thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo như sau:

- (i) Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
- (ii) Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
- (iii) Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

b. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

c. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo số lượng sau:

- (i) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
- (ii) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- (iii) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
 - r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi bởi Khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025.

Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác tùy thuộc vào từng thời điểm nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

7. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 23 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định pháp luật;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Phó Giám đốc;
- d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

3. Kiểm soát viên không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học

trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- b. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Yêu cầu kiểm tra của đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính

sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải là những công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 51. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 52. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa (i) Cổ đông với Công ty; (ii) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác thì giải quyết theo trình tự sau:

1. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Điều lệ này, hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người quản lý Công ty hoặc giữa các chủ thể này với nhau trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành Công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận hòa giải trong thời hạn sáu (06) tuần kể từ ngày một bên có văn bản yêu cầu hòa giải gửi cho bên còn lại hoặc kết quả hòa giải không được các bên chấp thuận, bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

3. Các cổ đông, người quản lý và Công ty được coi là đã chấp thuận điều khoản trọng tài này khi tham gia vào Công ty. Thỏa thuận trọng tài này có hiệu lực ràng buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.

4. Việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án chỉ được thực hiện trong các trường hợp pháp luật có quy định hoặc khi thỏa thuận trọng tài không có hiệu lực.

5. Các bên tự chịu chi phí liên quan đến thương lượng và hòa giải. Chi phí trọng tài do Hội đồng trọng tài quyết định theo quy định của pháp luật.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm ba mươi tám (38) trang, hai mươi một (21) chương, năm mươi bảy (57) điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tổ chức vào ngày 16 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific tại Phòng 2-3, tầng 10, Riverfront Financial Centre, 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành năm (05) bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

PHỤ LỤC ĐIỀU LỆ
Các lần bổ sung, điều chỉnh Điều lệ được thông qua theo quyết định của
Đại hội đồng cổ đông

Lần bổ sung, điều chỉnh	Thời gian	Nội dung cũ	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi
Lần 1	12/12/2022	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 230.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 23.000.000 (hai mươi ba triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 275.998.960.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm tỷ chín trăm chín mươi tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 27.599.896 (hai mươi bảy triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm chín mươi sáu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.</p>
Lần 2	20/09/2023	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 275.998.960.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm tỷ chín trăm chín mươi tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 27.599.896 (hai mươi bảy triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm chín mươi sáu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 500.354.930.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 50.035.493 (năm mươi triệu ba mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi ba) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p>

Lần bổ sung, điều chỉnh	Thời gian	Nội dung cũ	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi
Lần 3	29/02/2024	<p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên công ty Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam. Tên công ty viết bằng tiếng Anh: Viet Nam Gas and Chemicals Transportation Corporation.</p> <p>2. Trụ sở đăng ký của Công ty là Trụ sở chính: Khu dịch vụ số 04, Tầng 06, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam</p> <p>Điều 58: Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm ba mươi tám (38) trang, hai mươi một (21) chương, năm mươi tám (58) điều được Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2022 tổ chức vào ngày 25 tháng 10 năm 2022 và Hội đồng quản trị ngày 07 tháng 09 năm 2023 của Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam tại Khu dịch vụ số 04, Tầng 6, Tháp R2, Cao ốc The Everrich, số 968 Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thông qua và</p>	<p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên công ty Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Anh: GLOBAL PACIFIC SHIPPING JOINT STOCK COMPANY</p> <p>2. Trụ sở đăng ký của Công ty là Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh</p> <p>Điều 58: Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm ba mươi chín (39) trang, hai mươi một (21) chương, năm mươi tám (58) điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tổ chức vào ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Hội đồng quản trị ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific tại tầng 10, tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng – Thương mại – Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP.</p>

Lần bổ sung, điều chỉnh	Thời gian	Nội dung cũ	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi
		cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	HCM thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
Lần 4	16/04/2026	Như đính kèm.	Như đính kèm.

PHỤ LỤC: THUYẾT MINH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ (LẦN 4)

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;	Bổ sung: Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... c. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);	Nhằm đảm bảo các quy định mới (đương nhiên được áp dụng mà không cần sửa đổi Điều lệ liên tục.
2	Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... d. “Luật Chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Bổ sung: Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... d. “Luật Chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);	Nhằm đảm bảo các quy định mới (đương nhiên được áp dụng mà không cần sửa đổi Điều lệ liên tục.
3	Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... f. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;	Bổ sung: Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... f. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;	Nhằm làm rõ chủ thể cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
4	Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;	Bổ sung: Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... g. “Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc phù hợp với cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;	Cụ thể hóa cách thức xác định để phù hợp với cơ cấu quản lý thực tế của Công ty.
5	Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... h. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;	Bổ sung: Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... h. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;	
6	Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... k. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty;	Sửa đổi: Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... k. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty;	Khái niệm này bị bãi bỏ do trong toàn bộ nội dung Điều lệ mới không còn điều khoản nào dẫn chiếu đến khái niệm này.
7		Bổ sung: Điều 1. Giải thích thuật ngữ ... l. “Chủ sở hữu hưởng lợi” là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với Công ty;	Nhằm tuân thủ Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2025.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
8	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.</p>	<p>Bổ sung: Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc. 2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây: a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp; b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật. 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Công ty do vi</p>	<p>Nhằm tuân thủ Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2025.</p>

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
		phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.	
	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; - Bán buôn kim loại và quặng kim loại; - Cung ứng và quản lý nguồn lao động; - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; - Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành; - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; 	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; - Bán buôn kim loại và quặng kim loại; - Cung ứng nguồn nhân lực khác; - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; - Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành; - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; - Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự; - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác; - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; 	<p>Theo tờ trình về điều chỉnh ngành nghề kinh doanh.</p>

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; - Sản xuất điện; - Truyền tải và phân phối điện; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; - Bán buôn thực phẩm; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; - Quảng cáo; - Hoạt động thiết kế chuyên dụng; - Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; - Đóng tàu và cầu kiện nổi; - Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu; - Sửa chữa thiết bị khác; - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; - Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; - Vận tải hành khách đường bộ khác; - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; - Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; - Sản xuất điện từ nguồn không tái tạo; - Sản xuất điện từ nguồn tái tạo; - Truyền tải và phân phối điện; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; - Bán buôn thực phẩm; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; - Quảng cáo; - Hoạt động thiết kế chuyên dụng; - Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; - Đóng tàu và cầu kiện nổi; - Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu; - Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác; - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; 	

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; - Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; - Cho thuê xe có động cơ; - Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; - Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); - Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; - Bốc xếp hàng hoá; - Hoạt động tư vấn quản lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; - Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; - Vận tải hành khách đường bộ khác; - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; - Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu; - Cho thuê xe có động cơ; - Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác; - Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác; - Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; - Bốc xếp hàng hoá; - Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác. 	
9	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</p> <p>1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</p> <p>1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ</p>	<p>Theo khoản 8 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	này và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. ...	này và đã công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	
10	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông ... 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.	Sửa đổi: Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông ... 5. Trong trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông mới thì cổ phần phổ thông được chào bán phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần phổ thông mà cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các cổ đông và các đối tượng khác với điều kiện và cách thức không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác .	Làm rõ đối tượng và phương thức phân phối cổ phần không được cổ đông hiện hữu đăng ký mua hết.
11	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông ... 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi: Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông ... 7. Công ty có thể phát hành trái phiếu và các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng	Gộp điều 8 (Điều lệ hiện hành) vào khoản 7 (Điều lệ sửa đổi, bổ sung). Bổ sung thêm phát hành trái phiếu theo khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp 2020.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
		khoản khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	
12	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	Lược bỏ các quy định về thủ tục cấp mới vì Công ty là doanh nghiệp niêm yết (giao dịch qua hệ thống lưu ký), chỉ giữ lại quy định cấp lại cho cổ đông chưa lưu ký.
13	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>...</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>...</p> <p>Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán Công ty, trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng</p>	Lược bỏ các quy định về thủ tục cấp mới vì Công ty là doanh nghiệp niêm yết (giao dịch qua hệ thống lưu ký), chỉ giữ lại

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	<p>đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>1. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>2. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	quy định cấp lại cho cổ đông chưa lưu ký.
14	<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	Nội dung về việc phát hành và ký đóng dấu trên chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng khoán khác đã được gộp vào khoản 7 Điều 6 của Điều lệ sửa đổi, bổ sung.
15	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>3. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở</p>	Không còn phù hợp với tình hình Công ty hiện tại.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	
16	Điều 10. Quyền của cổ đông ... 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	Sửa đổi: Điều 10. Quyền của cổ đông ... 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện quyền biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo Điều lệ công ty và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành . Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	Bổ sung hình thức họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử theo điểm c Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.
17	Điều 10. Quyền của cổ đông ... 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: ... c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;	Sửa đổi: Điều 10. Quyền của cổ đông ... 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: ... c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;	Làm rõ quyền này của cổ đông phổ thông.
18	Điều 10. Quyền của cổ đông ... 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: ...	Sửa đổi: Điều 10. Quyền của cổ đông ... 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: ...	Nêu rõ các quy định được dẫn chiếu.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;	d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;	
19	Điều 10. Quyền của cổ đông ... 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: ... g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty; ...	Sửa đổi: Điều 10. Quyền của cổ đông ... 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: ... g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ khác và sau các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có);	Theo quy định về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp tại khoản 6 Điều 208 Luật Doanh nghiệp 2020.
20	Điều 10. Quyền của cổ đông ... 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	Sửa đổi: Điều 10. Quyền của cổ đông ... 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc (ii) khi Hội đồng quản trị vi phạm Điều lệ Công ty hoặc thực hiện trái với các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Nêu rõ các quy định được dẫn chiếu và theo quy định tại Khoản 18 Điều 1 Luật Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung năm 2025.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
		Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;	
21	<p>Điều 10. Quyền của cổ đông</p> <p>...</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp năm (05) ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 25 và Điều 35 của Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 10. Quyền của cổ đông</p> <p>...</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 23, Điều 34 của Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	Làm rõ nghĩa về cách thức thực hiện việc đề cử và dẫn chiếu đến quy chế nội bộ của Công ty.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
22	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 12. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định;</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số được quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên;</p> <p>e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 115, điểm a khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
23	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này;</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này hoặc trong thời hạn sáu mươi (60)</p>	<p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 140, điểm a Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
		ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này;	
24	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p>Bổ sung:</p> <p>Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; được sửa đổi bởi Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025;</p>	Theo quy định Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025.
25	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p>	<p>Sửa đổi</p> <p>Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự.</p>	Nội dung này đã được điều chỉnh theo các quy định của pháp luật dân sự nên việc lập lại trong Điều lệ là không cần thiết.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
26	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người được ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p> <p>4. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p>	<p>Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	Điều chỉnh lỗi đánh máy.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
27	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>4. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>4. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho từng người đại diện thì số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p>	Nội dung này đã được điều chỉnh theo các quy định của pháp luật dân sự nên việc lập lại trong Điều lệ là không cần thiết.
28	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>...</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>...</p>	Cụ thể hóa nội dung dẫn chiếu từ khoản 2 Điều 12 Điều lệ.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
29	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>...</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Nếu không đủ tỷ lệ cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp hủy cuộc họp.</p> <p>...</p>	Chi tiết quy định để áp dụng trên thực tế.
30	<p>Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc</p>	<p>Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông. Trình tự đăng ký cổ đông dự họp được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p>	Đã được quy định tại Quy chế nội bộ của Công ty.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	<p>hợp. Đại hội bầu người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa</p> <p>b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>...</p>		
31	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>...</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>...</p>	
32	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>...</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp</p>	<p>Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>...</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc</p>	Theo khoản 5 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2022.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	hợp tác thành , trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	
33	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp sau đây:</p> <p>a. Định hướng phát triển công ty;</p> <p>b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>c. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>d. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	Quy định chi tiết các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
34	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>3. Các nội dung chủ yếu của phiếu lấy ý kiến, cách thức gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty, điều kiện để đảm bảo tính hợp lệ của phiếu lấy ý kiến</p>	Đã được quy định tại Quy chế nội bộ của Công ty.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	<p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã</p>	<p>và biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p>	

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.		
35	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức danh quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức danh quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p>	Lược bỏ do đã quy định tại Quy chế nội bộ của Công ty.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	
36	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>...</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>...</p>	
37	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Các quy định chi tiết về biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p>	Do đã quy định tại Quy chế nội bộ của Công ty.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	<p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>		

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.		
38	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc Đại hội.</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc Đại hội.</p>	Theo Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
39	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>....</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p>	Cụ thể hóa nội dung dẫn chiếu từ khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
40	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; f. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p>	<p>Đã được quy định tại Quy chế nội bộ của Công ty.</p>

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
41	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>i. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.</p> <p>ii. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	Đánh số lại các mục cho phù hợp với nội dung quy định.
42	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p>	Theo quy định tại Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	<p>thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.</p> <p>...</p>	<p>a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; (ii) Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; (iii) Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên. <p>b. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo đảm bảo số lượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên; (ii) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên; 	

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
		(iii) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.	
43	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi: Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị ... 7. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác.	Theo quy định tại Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.
44	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị ... 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Bổ sung: Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị ... 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: ... q. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;	Theo quy định tại Điểm b Khoản 81 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.
45	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị ...	Bổ sung: Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị ...	

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi bởi Khoản 82 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025.	
46	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>...</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác tùy thuộc vào từng thời điểm nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>...</p>	

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
47		<p>Bổ sung:</p> <p>Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	Theo Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.
48	<p>Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp nhận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	Khoản 1 Điều 33 (Điều lệ hiện hành) đã được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 1 Điều lệ (sửa đổi bổ sung).

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	<p>Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
49	<p>Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>...</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 35. Kiểm soát viên</p> <p>...</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định pháp luật;</p> <p>b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Phó Giám đốc;</p>	<p>Cụ thể hóa Cụ thể hóa nội dung dẫn chiếu từ Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
		<p>d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</p> <p>1. Kiểm soát viên không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	
50	<p>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>...</p>	<p>Bổ sung:</p> <p>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>...</p> <p>6. Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p>	Theo quy định tại Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP.
51	<p>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>...</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>...</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm</p>	

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang làm thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	
52	<p>Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>...</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>...</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Yêu cầu kiểm tra của đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>...</p>	

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
53	Điều 48. Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận. ...	Sửa đổi: Điều 47. Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được Bộ Tài chính chấp thuận. ...	
54	Điều 51. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. ...	Sửa đổi: Điều 50. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải là những công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. ...	Theo quy định tại Nghị định 84/2016/NĐ-CP.
55	Điều 53. Giải thể Công ty 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: ...	Bổ sung: Điều 52. Giải thể Công ty 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: ... d. Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;	Theo quy định tại Điều 8 Luật Phá sản 2014.

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
56	<p>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành Công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, một bên nào có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi</p>	<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa (i) Cổ đông với Công ty; (ii) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác thì giải quyết theo trình tự sau:</p> <p>1. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Điều lệ này, hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người quản lý Công ty hoặc giữa các chủ thể này với nhau trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban chấp hành Công đoàn Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận hòa giải trong thời hạn sáu (06) tuần kể từ ngày một bên có văn bản yêu cầu hòa giải gửi cho bên còn lại hoặc kết quả hòa giải không được các bên</p>	<p>Quy định cụ thể cơ chế giải quyết tranh chấp và lựa chọn Trọng tài.</p>

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
	phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.	<p>chấp thuận, bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.</p> <p>3. Các cổ đông, người quản lý và Công ty được coi là đã chấp thuận điều khoản trọng tài này khi tham gia vào Công ty. Thỏa thuận trọng tài này có hiệu lực ràng buộc đối với các bên theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án chỉ được thực hiện trong các trường hợp pháp luật có quy định hoặc khi thỏa thuận trọng tài không có hiệu lực.</p> <p>5. Các bên tự chịu chi phí liên quan đến thương lượng và hòa giải. Chi phí trọng tài do Hội đồng trọng tài quyết định theo quy định của pháp luật.</p>	
57		<p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 57. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm ba mươi tám (38) trang, hai mươi một (21) chương, năm mươi bảy (57) điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tổ chức vào ngày 16 tháng 04 năm 2026 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific tại Phòng 2-3, tầng 10, Riverfront Financial Centre, 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành năm (05) bản, có giá trị như nhau.</p>	

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sau khi bổ sung, sửa đổi	Lý do
		<p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	
58		Thay tất cả cụm từ “thành viên Ban kiểm soát” thành “Kiểm soát viên”.	Phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020.

Số: 07/2026/TTr-PCT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 25/6/2021.

Nhằm cập nhật các quy định mới nhất của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và đặc biệt là Bộ nguyên tắc quản trị công ty Việt Nam do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành năm 2026, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty mới để thay thế cho quy chế cũ đã ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-PCT-ĐHCD ngày 25/6/2021. Nội dung trọng tâm của Quy chế mới bao gồm minh bạch hóa cơ chế ra quyết định, kiểm soát chặt chẽ xung đột lợi ích và ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của Đại hội đồng cổ đông để bảo vệ tối đa quyền lợi cổ đông.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Trần Trung Quốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành theo Nghị quyết số/2026/NQ-PCT-ĐHCD ngày/...../2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific)

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/ 2024 của Quốc hội và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/2026/NQ-PCT-ĐHCD ngày/...../2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan khác.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác, các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty sẽ có ý nghĩa tương tự như được quy định trong Quy chế này.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 13 của Điều lệ Công ty. Một số quyền và nghĩa vụ được hiểu và quy định như sau:

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty bao gồm phương hướng hoạt động và cấu trúc của Công ty; phạm vi hoạt động và những ngành, nghề cốt lõi mà Công ty sẽ đầu tư và đẩy mạnh hoạt động.
2. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty bao gồm các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bảng cân đối kế toán, bảng thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo ý kiến của kiểm toán viên độc lập về báo cáo tài chính của Công ty.
3. Thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty bao gồm kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty.
4. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị, trong đó bao gồm những nội dung sau:
 - a. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Báo cáo giám sát và đánh giá Giám đốc và Ban Giám đốc.
 - c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với những người có liên quan sau đây:
 - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và/hoặc người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và/hoặc người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp;
 - Doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
 - d. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
 - e. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - f. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

g. Các kế hoạch trong tương lai.

5. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc, trong đó bao gồm những nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên.

b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty.

d. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với những người có liên quan sau đây:

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và/hoặc người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và/hoặc người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp;
- Doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty.

f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các Phó Giám Đốc.

g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

h. Các nội dung khác theo quy định của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

MỤC 1. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

2.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có thể do: (i) Hội đồng quản trị; hoặc (ii) Ban kiểm soát; hoặc (iii) Cổ đông hay nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên triệu tập.

2.2. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định;
- b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc
- Khi Hội đồng quản trị vi phạm Điều lệ Công ty hoặc thực hiện trái với các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau:

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- Số lượng cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty;
- Lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
- Các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

2.3. Trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định tại Khoản 2.2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

2.4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp theo quy định tại Khoản 2.3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm b Khoản 2.2 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

2.5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày xảy ra các trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số được quy định tại Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống và không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

2.6. Hội đồng quản trị còn có thể triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Theo đó, việc triệu tập họp được xem là cần thiết khi:

a. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; và/hoặc

b. Các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhất trí với ý kiến này của kiểm toán viên.

Điều 6. Thông báo về việc triệu tập họp và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như xác định ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, phân công nhiệm vụ chuẩn bị và công tác tổ chức cho các phòng, ban chuyên môn của Công ty. Theo đó, Giám đốc thành lập Ban tổ chức đại hội để chuẩn bị và triển khai các công tác phục vụ cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (“Ban tổ chức”).

2. Sau khi họp Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong đó nêu rõ lý do triệu tập, ngày chốt danh sách cổ đông tham dự (ngày đăng ký cuối cùng), ngày diễn ra cuộc họp và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên triệu tập thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông này phải thông báo về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Trong thông báo nêu rõ lý do triệu tập họp, thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự và phải nêu rõ Hội đồng quản trị đã từ chối triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông này. Đính kèm thông báo là danh sách cổ đông, nhóm cổ đông thực hiện triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (nêu rõ thông tin của từng cổ đông và số cổ phần mà các cổ đông sở hữu tại thời điểm triệu tập họp) và văn bản yêu cầu mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên đã gửi cho Hội đồng quản trị để yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Thời hạn để cổ đông, nhóm cổ đông này đại diện Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông không được sớm hơn ba mươi (30) ngày so với ngày gửi yêu cầu cho Hội đồng quản trị yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Thông báo về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch và trên website của Công ty.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có trong danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- h. Các công việc khác phục vụ cho cuộc họp.

Điều 7. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện như sau:

- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) để đề nghị VSDC lập và gửi cho Công ty danh sách cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng.
- b. Hồ sơ đề nghị VSDC lập danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện theo quy định và/hoặc hướng dẫn của VSDC được ban hành và có hiệu lực vào thời điểm đề nghị lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có các thông tin sau:

- a. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
- b. Số lượng cổ phần nắm giữ.

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày

khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), tin nhắn điện thoại, fax, và/hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, trong đó bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp của Công ty.
 - b. Tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông.
 - c. Thời gian và địa điểm họp.
 - d. Nội dung cuộc họp.
 - e. Những yêu cầu đối với người dự họp nhằm đảm bảo cuộc họp được diễn ra thành công.
 - f. Đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp (trong trường hợp tài liệu họp không được gửi kèm theo thông báo mời họp).
4. Các tài liệu sử dụng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được gửi kèm theo Thông báo mời họp hoặc/và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có bầu cử).
 - d. Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề trong chương trình họp.

Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị nội dung chương trình họp Đại hội. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải

bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 16 Điều lệ Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều 10 và khoản 4 Điều 16 Điều lệ Công ty;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ Công ty;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 16 Điều lệ Công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 16 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 10. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác (“Người được ủy quyền dự họp”) tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp không nhất thiết phải là cổ đông. Ngoài ra, cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc làm đại diện cho mình tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Văn bản ủy quyền phải được lập theo mẫu của Công ty và phải đáp ứng các yêu cầu sau theo đúng quy định của pháp luật về dân sự:

- a. Phải nêu rõ thông tin của cổ đông và Người được ủy quyền dự họp. Nếu cổ đông và Người được ủy quyền dự họp là cá nhân thì nêu rõ tên, số giấy tờ pháp lý của cá nhân. Trường hợp cổ đông và Người được ủy quyền dự họp là tổ chức thì nêu rõ tên, mã số doanh nghiệp của tổ chức và địa chỉ trụ sở chính.
- b. Số lượng cổ phần được ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một Người được ủy quyền dự họp thì phải xác định cụ thể số lượng cổ phần được ủy quyền của từng Người được ủy quyền dự họp. Trường hợp cổ đông không xác định rõ số lượng cổ phần được ủy quyền tương ứng cho từng Người được ủy quyền dự họp thì tự động được hiểu là số cổ phần của cổ đông sẽ được chia đều cho các Người được ủy quyền dự họp.
- c. Nội dung ủy quyền và phạm vi ủy quyền: trong đó nêu cụ thể phạm vi và nội dung ủy quyền mà Người được ủy quyền dự họp được phép thực hiện.
- d. Thời hạn ủy quyền (phải đảm bảo văn bản ủy quyền phải còn hiệu lực cho đến khi hoàn thành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông).
- e. Chữ ký của cổ đông (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông (trường hợp cổ đông là tổ chức) và chữ ký của Người được ủy quyền dự họp

(trường hợp Người được ủy quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp).

2. Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký dự họp hoặc có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức trước ngày khai mạc đại hội. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). Phạm vi ủy quyền lại phải giống với phạm vi ủy quyền ban đầu của cổ đông.

3. Cổ đông chấm dứt hoặc thay đổi Người được ủy quyền dự họp phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trước ngày khai mạc đại hội.

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty trước ngày khai mạc bằng nhiều hình thức (miễn việc đăng ký tham dự này được thực hiện trong thời hạn được nêu trong Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông) cụ thể như: (1) gửi thư điện tử về Công ty; hoặc (2) đăng ký qua điện thoại; hoặc (3) gửi thư qua đường bưu điện. Trong trường hợp đã đăng ký trước, cổ đông và Người được ủy quyền dự họp vẫn phải mang theo và xuất trình giấy tờ tùy thân, văn bản ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết cho Ban tổ chức đại hội để kiểm tra, đối chiếu và đăng ký tại nơi tổ chức đại hội.

2. Trường hợp cổ đông không đăng ký tham dự họp trước ngày khai mạc, cổ đông vẫn có thể đăng ký tham dự trực tiếp tại Đại hội.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ban tổ chức phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông đến dự họp. Ban tổ chức đại hội sẽ phân công cho một hoặc một số người để thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông (“Tổ kiểm tra tư cách cổ đông”). Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông làm thủ tục đăng ký tại bàn đăng ký trước khi vào tham dự đại hội và ký tên xác nhận vào danh sách cổ đông tham dự đã được soạn sẵn.

4. Tổ kiểm tra tư cách cổ đông sẽ kiểm tra tư cách cổ đông khi cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp làm thủ tục đăng ký tham dự. Căn cứ vào danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, Tổ kiểm tra tư cách cổ đông sẽ đối chiếu giấy tờ cá nhân của cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp, kiểm tra thư mời, văn bản ủy quyền (nếu có). Trong trường hợp cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp không đáp ứng yêu cầu về tư cách cổ đông thì Tổ kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối việc tham dự đại hội của cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đó.

5. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Khi đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, dựa trên các tài liệu họp đã được gửi kèm theo thư mời họp và/hoặc được đăng tải lên website của Công ty, cổ đông chịu trách nhiệm kê khai chi tiết và trung thực về các lợi ích có liên quan của mình đối với các nội dung của chương trình họp Đại hội đồng cổ đông để Ban kiểm phiếu xác định quyền biểu quyết của cổ đông đối với các nội dung có xung đột lợi ích theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Việc không kê khai hoặc kê khai không trung thực dẫn đến vi phạm quy định về biểu quyết sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thì số cổ đông và Người được ủy quyền dự họp tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đáp ứng một tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty, cụ thể:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những Người được ủy quyền dự họp tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

b. Hết ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội mà vẫn chưa đủ điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như được nêu ở mục a nói trên, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Thông báo mời tham dự cuộc họp lần hai phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những Người được ủy quyền dự họp tham dự đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

c. Hết ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội mà vẫn chưa đủ điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai như được nêu ở trên, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Thông báo mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai. Trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay Người được ủy quyền dự họp tham dự.

2. Trong trường hợp triệu tập họp lần hai và lần ba như nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không cần lập lại danh sách cổ đông có quyền dự họp và có thể sử dụng danh sách mà VSDC đã cung cấp trong lần triệu tập họp thứ nhất.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp lần hai và/hoặc lần ba vẫn sẽ được giữ nguyên như chương trình và nội dung cuộc họp đã được chuẩn bị cho lần họp thứ nhất.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông phổ thông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Tham dự và biểu quyết điện tử thông qua hệ thống họp trực tuyến; gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể của Công ty khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu

1. Phiếu biểu quyết sẽ được gửi cho cổ đông kèm theo thư mời họp, được đăng tải trên website của Công ty hoặc được Ban tổ chức cấp cho từng cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp tại thời điểm tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông trước khi vào họp, trên đó thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

- a. Họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên Người được ủy quyền dự họp (nếu có).
- b. Số cổ phần mà cổ đông đó đang nắm giữ hoặc Người được ủy quyền dự họp được ủy quyền.
- c. Vấn đề cần biểu quyết.
- d. Tình trạng biểu quyết (gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến).

2. Nội dung của Phiếu biểu quyết tùy thuộc vào nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nội dung cuộc họp có thực hiện việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thì Công ty sẽ cấp cho cổ đông phiếu bầu cử. Trong đó, phiếu bầu cử sẽ bao gồm các thông tin sau:

- a. Họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên Người được ủy quyền dự họp (nếu có).
- b. Tổng số cổ phần mà cổ đông đó đang nắm giữ hoặc Người được ủy quyền dự họp được ủy quyền.
- c. Tên ứng viên.
- d. Tổng số phiếu bầu tối đa của (từng) cổ đông.

3. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông và Người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết cho từng vấn đề trong nội dung chương trình họp trên Phiếu biểu quyết. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào một trong các tình trạng biểu quyết “tán thành”, “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” cho từng vấn đề. Đồng thời, các cổ đông và Người được ủy quyền dự họp phải tuân theo sự hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

4. Phiếu biểu quyết họp lệ phải thể hiện rõ ý kiến “tán thành”, “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” đối với từng vấn đề cụ thể và được cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp ký tên họp lệ.

5. Khi thực hiện biểu quyết xong, cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp bỏ các Phiếu biểu quyết và/hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.

6. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp cũng có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua thư/fax/thư điện tử. Các cổ đông được bảo đảm rằng việc biểu quyết bằng hình thức gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư/fax/thư điện tử có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

7. Để đảm bảo tránh các trường hợp xung đột lợi ích, các cổ đông có lợi ích liên quan sẽ không tham gia biểu quyết đối với các vấn đề mà cổ đông đó hoặc Người có liên quan của cổ đông được xác định là có quyền và lợi ích liên quan để đảm bảo tính minh bạch và công bằng của cuộc họp. Đối với các nội dung khác, cổ đông đó vẫn có quyền biểu quyết bình thường.

8. Đối với các nội dung biểu quyết được Đại hội quyết định biểu quyết công khai: Ban Tổ chức sẽ phát Thẻ biểu quyết riêng cho các nội dung này để các cổ đông/Người được ủy quyền dự họp thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào đề nghị của chủ tọa.

2. Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- a. Tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử.
- b. Lập biên bản và công bố công khai Biên bản kiểm Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông.
- c. Bàn giao các Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử đã niêm phong cho Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- d. Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của số liệu, kiểm tra, lập biên bản kiểm phiếu và công bố công khai kết quả kiểm phiếu.

3. Trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm phiếu được xác định như sau:

- a. Trưởng ban kiểm phiếu: chịu trách nhiệm về thủ tục, trình tự và pháp lý trong việc thực hiện biểu quyết và bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Thành viên phụ trách về số liệu, thống kê: chịu trách nhiệm về việc đảm bảo tính chính xác của số liệu, bao gồm nhưng không giới hạn ở công tác nhập số liệu, tính toán, thống kê số liệu về liên quan đến việc tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và số liệu kiểm phiếu.
- c. Thành viên giám sát kiểm phiếu: chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện kiểm phiếu bởi các thành viên khác của Ban kiểm phiếu.

4. Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm tra các phiếu biểu quyết và tổng hợp các nội dung sau:

- a. Số cổ đông đã tham gia biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết.
- b. Số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ.
- c. Tổng số phiếu “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” đối với từng vấn đề.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sử dụng các phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch, mã QR và/hoặc các công nghệ nhận dạng khác để thực hiện kiểm phiếu nhằm đảm bảo tính chính xác và rút ngắn thời gian của việc kiểm phiếu.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng các thiết bị, công cụ, phần mềm này.

6. Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký vào biên bản kiểm phiếu để xác nhận kết quả kiểm phiếu.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Các vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu đáp ứng được tỷ lệ thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Ngoài ra, Đại hội sẽ thực hiện thông qua Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trước khi kết thúc đại hội. Việc thông qua Biên bản họp và toàn văn Nghị quyết sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai tại đại hội.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung:

a. Thời gian và địa điểm diễn ra việc kiểm phiếu.

b. Thành phần Ban kiểm phiếu.

c. Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông này.

d. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không ý kiến đối với từng vấn đề; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng.

3. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong trường hợp cổ đông phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì việc phản đối này phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ họ tên, số giấy tờ pháp lý của cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, nội dung phản đối và lý do của việc phản đối.

2. Văn bản này sẽ được chuyển đến Người phụ trách quản trị công ty để xem xét và ghi nhận.

3. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày

Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 19. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19 của Điều lệ Công ty;

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp Tòa án hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thì Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Tòa án có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty.

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.

d. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông/đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

Trong trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp thì biên bản này vẫn có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy

đủ nội dung theo quy định nêu trên. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản.

2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trong trường hợp này thì Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm được thông qua.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, nghị quyết đã được thông qua, biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, biên bản kiểm phiếu và các tài liệu có liên quan khác đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 21. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi nhận tại Nghị quyết đó.

2. Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu kèm theo trong biên bản họp, nghị quyết (nếu có) phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

MỤC 2. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ các trường hợp được quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Thông báo về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a. Khi xét thấy cần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành họp để thống nhất các vấn đề cần lấy ý kiến, phân công nhiệm vụ chuẩn bị và công tác tổ chức lấy ý kiến.

b. Tại cuộc họp, Hội đồng quản trị phải xác định được mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến, đồng thời chốt ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông được lấy ý kiến. Các nội dung này được phải được thể hiện bằng Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

c. Hội đồng quản trị phải thực hiện công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

d. Thông báo về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch.

3. Lập danh sách cổ đông được lấy ý kiến

a. Danh sách cổ đông được lấy ý kiến là danh sách cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng.

b. Khi xét thấy cần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Giám đốc sẽ gửi hồ sơ thông báo đến VSDC để yêu cầu lập danh sách cổ đông của Công ty dựa trên dữ liệu của VSDC.

c. Danh mục các hồ sơ thông báo gửi cho VSDC sẽ theo quy định tại quy chế và/hoặc hướng dẫn của VSDC được ban hành tùy từng thời điểm.

d. Danh sách cổ đông cần lấy ý kiến được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

e. Danh sách cổ đông cần lấy ý kiến phải có các thông tin như quy định tại Điều 7.3 của Quy chế này.

4. Phiếu lấy ý kiến và thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến

a. Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

b. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty.

(ii) Mục đích lấy ý kiến.

(iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức và họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số

giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.

(v) Phương án biểu quyết bao gồm: “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến”.

(vi) Thời hạn phải gửi phiếu biểu quyết đã được trả lời về Công ty, theo đó cổ đông phải gửi phiếu biểu quyết đã trả lời về Công ty trước thời gian được quy định trong phiếu biểu quyết và thời hạn gửi được tính từ ngày phiếu biểu quyết được gửi đi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.

(vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Cách thức gửi phiếu lấy ý kiến

a. Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), fax và/hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của từng cổ đông.

b. Các tài liệu giải trình cho dự thảo Nghị quyết và các nội dung cần lấy ý kiến có thể được gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến hoặc đăng tải trên website của Công ty để các cổ đông xem xét trước khi thực hiện trả lời phiếu lấy ý kiến.

c. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư qua đường bưu điện, fax hoặc thư điện tử, trong đó, phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Trường hợp gửi thư qua đường bưu điện: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín, được Công ty tập hợp, lưu trữ riêng và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

(ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được tập hợp lại, lưu trữ riêng và giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

d. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư qua đường bưu điện hoặc đã bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax/thư điện tử sẽ được xem là không hợp lệ.

e. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

a. Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban kiểm phiếu để thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

b. Việc kiểm phiếu được thực hiện cho từng vấn đề lấy ý kiến và tổng hợp theo kết quả biểu quyết “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến”.

c. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty.

- (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
 - (iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
 - (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
 - (v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- d. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Thông báo kết quả kiểm phiếu và công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- a. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.
 - c. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

MỤC 3. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN

Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến trong trường hợp (i) xảy ra các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hoặc cấm đoán của Nhà nước; và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như trình bày tại các Điều dưới đây. Tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến.

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, cụ thể người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ gửi thông báo mời họp và các tài liệu của cuộc họp cho các cổ đông của Công ty hoặc đăng tải các tài liệu này lên website của Công ty. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội đã được gửi cho cổ đông và/hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Theo đó, cổ đông sẽ truy cập vào đường dẫn do Ban tổ chức đại hội công bố và thực hiện kê khai, xác thực tư cách cổ đông để tham dự họp.
2. Cổ đông chỉ được cho phép tham dự cuộc họp trực tuyến khi đã kê khai và xác thực tư cách cổ đông. Ban tổ chức cũng đảm bảo rằng quyền truy cập của cổ đông là duy nhất và mỗi cổ đông chỉ có một tài khoản duy nhất để truy cập vào phòng họp trực tuyến tại một thời điểm nhất định.
3. Ban tổ chức cũng sẽ cung cấp cho các cổ đông thông tin của người hỗ trợ kỹ thuật cũng như đường dây nóng để hỗ trợ cổ đông truy cập và tham gia cuộc họp.

Điều 26. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội trực tuyến. Quy định cụ thể về ủy quyền sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

Điều 27. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Ban tổ chức sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các cổ đông có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào trang thiết bị điện tử mà Công ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các cổ đông trước mỗi kỳ đại hội.
2. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp cũng có thể thực hiện biểu quyết thông qua thư điện tử/fax hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ email, số fax hoặc địa chỉ nhận thư do Ban tổ chức cung cấp với điều kiện Ban tổ chức phải nhận được phiếu biểu quyết của cổ đông trước khi kết thúc kiểm phiếu.

Điều 29. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Ban tổ chức sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp đã biểu quyết bằng hình thức biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và số lượng Phiếu biểu quyết mà cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp gửi về bằng đường bưu điện, thư điện tử và fax.

Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Điều 30. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 31. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức và bao gồm các nội dung như việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định cụ thể tại Điều 20 của Quy chế này.

Điều 32. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

MỤC 4. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Bên cạnh việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và/hoặc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo cách thức như nêu tại Mục 2 và Mục 3 của Quy chế này, tùy theo tình hình thực tế mà Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây, tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Điều 33. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp tại địa điểm diễn ra đại hội hoặc tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến bằng các phương tiện công nghệ hiện đại. Theo đó, tại địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, Ban tổ chức sẽ bố

trí thêm các màn hình chiếu, máy vi tính, các thiết bị thu và phát sóng âm thanh, hình ảnh có kết nối internet để có thể truyền hình trực tiếp diễn biến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông khác tham dự trực tuyến, đảm bảo đường truyền kết nối ổn định, hình ảnh hiển thị, âm thanh chuẩn và đồng nhất giữa việc họp trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quyền lợi giữa các cổ đông.

2. Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được thực hiện như sau:

- a. Đối với các cổ đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện đăng ký tại bàn kiểm tra tư cách cổ đông được bố trí tại địa điểm diễn ra đại hội như cách thức đăng ký họp trực tiếp được quy định tại Điều 11 Quy chế này.
- b. Đối với các cổ đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện đăng ký như hướng dẫn tại Điều 25 Quy chế này.

Điều 34. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Tùy thuộc vào hình thức lựa chọn tham dự Đại hội, cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 11 và Điều 25 Quy chế này.

Điều 35. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông thực hiện việc ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 10 và Điều 26 Quy chế này.

Điều 36. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được tiến hành khi có tổng số cổ đông/Người được ủy quyền dự họp tham dự trực tiếp và trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

Điều 37. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp (bao gồm cả việc bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử/ trực tuyến).

Điều 38. Cách thức bỏ phiếu

Cổ đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng hình thức: (i) bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội, (ii) gửi phiếu biểu quyết về cho người triệu tập cuộc họp bằng đường bưu điện/email/fax, hoặc (iii) bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác.

Điều 39. Cách thức kiểm phiếu

1. Công ty sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các cổ đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên (i) số lượng phiếu mà cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp đã biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác; (ii) số phiếu mà cổ đông và/hoặc Người được ủy quyền dự họp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp (được bỏ vào thùng phiếu); và (iii) số lượng Phiếu biểu quyết mà cổ đông và/hoặc Người Được ủy quyền dự họp gửi qua bưu điện, thư điện tử hoặc fax.

2. Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện tổng hợp tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của cả ba cách thức trên theo từng nội dung chương trình họp và chia cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội để xác định tỷ lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến tương ứng cho từng vấn đề được biểu quyết, từ đó xác định vấn đề cần biểu quyết có đủ tỷ lệ để thông qua hay không.

Điều 40. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 41. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thư ký sẽ thực hiện lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngay tại cuộc họp và trình cho Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung như quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Điều 42. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, các Phó Giám Đốc cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty, với điều kiện là việc cung cấp thông tin đó phải phục vụ cho mục đích thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị và việc cung cấp thông tin đó phải được thông báo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Chủ tịch Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) mà thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu là thành viên. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do yêu cầu, mục đích sử dụng thông tin, kèm theo cam kết sử dụng đúng mục đích và bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp và văn bản yêu cầu phải được gửi cho Giám đốc trước ít nhất hai mươi tư (24) giờ. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị sử dụng sai mục đích hoặc tiết lộ/làm lộ thông tin, thành viên đó sẽ phải chịu toàn bộ cá nhân về các thiệt hại mà Công ty phải gánh chịu.

Điều 44. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

b. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo như sau:

- (i) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
- (ii) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
- (iii) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

a. Khi Công ty thực hiện bầu thành viên Hội đồng quản trị, các ứng viên có thể gửi hồ sơ đến Ban tổ chức Đại hội chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông để ứng cử.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được thực hiện quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty bằng cách gửi hồ sơ đề cử, ứng cử đến Ban tổ chức Đại hội chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông để xem xét.

Hồ sơ ứng cử/đề cử bao gồm:

- (i) Văn bản ứng cử/đề cử trong đó thể hiện (i) ứng viên chấp nhận việc đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; (ii) cam kết sẽ hành động, thực hiện công việc một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị; và (iii) cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp.

- (ii) Lý lịch của người được ứng cử/đề cử, bao gồm: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ học vấn; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên hoặc cũng đang ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; Quan hệ của ứng viên với các Người có liên quan; Quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chính của Công ty; Những thông tin liên quan tới tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể có ảnh hưởng tới nhiệm vụ và tính độc lập của ứng viên với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị;
- (iii) Nếu ứng viên được đề cử bởi nhóm cổ đông, cần cung cấp thêm: (i) danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử; (ii) tổng số cổ phần mà nhóm cổ đông hiện đang nắm giữ; (iii) văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực trong việc công bố thông tin về ứng viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật, tùy tính sẵn sàng của thông tin ứng viên để cổ đông có thể tìm hiểu về ứng viên trước khi bỏ phiếu. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, Hội đồng quản trị phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (ii) Trình độ học vấn, trình độ chuyên môn;
- (iii) Quá trình công tác;
- (iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của Công ty khác);
- (v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- (vi) Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có);
- (vii) Các thông tin khác (nếu có).

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

a. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở

hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b. Cổ đông có thể phân phối số phiếu bầu của mình cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn và được quyền bầu một phần tổng số phiếu bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

c. Số lượng ứng viên được lựa chọn không được vượt quá số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu.

d. Căn cứ vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị được phê chuẩn, người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập quy định tại Điều lệ Công ty.

e. Các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định, việc chọn các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên Hội đồng quản trị không độc lập và độc lập còn lại). Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.

f. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì thành viên này sẽ được chọn như sau:

(i) Nếu ứng viên là cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn.

(ii) Nếu ứng viên không là cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Hội đồng quản trị lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.

Trường hợp không chọn được ứng cử viên theo các tiêu chí (i) và (ii) nêu trên thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau và chọn ứng viên có số phiếu cao nhất.

6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty thì việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

(i) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin và lập cáo cáo đánh giá, giải trình về việc thành viên đó không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện. Sau đó, Hội đồng quản trị biểu quyết để quyết định trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

- (ii) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức: Đơn từ chức phải được gửi cho Người phụ trách quản trị Công ty ở trụ sở chính của Công ty. Hội đồng quản trị tiếp nhận và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc miễn nhiệm trong trường hợp này chỉ có hiệu lực khi có Nghị quyết bằng văn bản của Đại hội đồng cổ đông.
- (iii) Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông: Việc miễn nhiệm này sẽ có hiệu lực tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông ban hành nghị quyết hoặc tại thời điểm được quy định cụ thể trên nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- (iv) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. Việc không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm việc không tham gia họp Hội đồng quản trị, không hoàn thành nhiệm vụ và/hoặc không thực hiện các nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị phân công. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

b. Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện trong các trường hợp sau:

- (i) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty và quyết định/nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- (ii) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật;
- (iii) Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị sẽ được bầu dựa trên danh sách ứng viên do (i) ứng viên ứng cử, (ii) cổ đông, nhóm cổ đông đề cử và/hoặc (iii) Hội đồng quản trị giới thiệu.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì Hội đồng quản trị và Giám đốc (Người đại diện theo pháp luật của Công ty) phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu

bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

c. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 45. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị được xác định theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tổng mức này là một con số tuyệt đối.

2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Lợi ích khác: Các lợi ích khác có thể là chi phí mua bảo hiểm trách nhiệm (nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông), gói bảo hiểm sức khỏe... cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 46. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý/năm

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường để thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc có thể thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp các cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

- Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- a. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp.
- b. Trong trường hợp họp Hội đồng quản trị thường kỳ hàng quý, việc mời họp Hội đồng quản trị sẽ do Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện. Trường hợp họp Hội đồng quản trị bất thường, việc mời họp sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị thực hiện.
- c. Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tùy thuộc vào từng thời điểm, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- d. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, đồng thời có thể kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- e. Địa điểm họp Hội đồng quản trị có thể là tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

- a. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.
- b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định nêu trên thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - (v) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác nếu được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội đồng quản trị.

5. Cách thức biểu quyết:

- a. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- b. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền (nếu có) tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đã trả lời đến cuộc họp thông qua bưu điện, fax, thư điện tử. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua đường bưu điện, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử thì phải gửi trước khi kết thúc kiểm phiếu.
- d. Trong trường hợp cuộc họp hội đồng quản trị được tổ chức trực tiếp, trực tuyến hay các phương tiện điện tử khác, các thành viên Hội đồng quản trị có thể biểu quyết bằng cách phát biểu “tán thành”, “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” hoặc biểu quyết bằng cách giơ tay đối với mỗi vấn đề được biểu quyết.
- e. Thành viên Hội đồng quản trị không được quyền biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch mà thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- f. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch với Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng hoặc giao dịch đó.
- g. Theo quy định nêu trên, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

6. Điều kiện thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (>50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như được thông qua tại cuộc họp.

7. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

- a. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số các thành viên Hội đồng quản trị chấp nhận.
- b. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và thông báo trước cho Hội đồng quản trị để phê duyệt trước khi khai mạc cuộc họp.
- c. Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình giấy ủy quyền và giấy tờ pháp lý khác của cá nhân khi tham gia họp Hội đồng quản trị.

8. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

a. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được Người phụ trách quản trị Công ty ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác.

b. Biên bản họp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- (ii) Thời gian, địa điểm họp;
- (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- (v) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- (ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

c. Trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ các nội dung nêu trên thì biên bản này vẫn có hiệu lực thi hành. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

d. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản (nếu có) phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

e. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trong trường hợp này, biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

f. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty ít nhất là năm (05) năm.

9. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

a. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị đã ký đến các thành viên thông qua thư hoặc thư điện tử/fax đến địa chỉ mà thành viên đó đã đăng ký và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.

b. Nghị quyết Hội đồng quản trị về một số nội dung quy định bắt buộc phải thực hiện công bố thông tin, Người đại diện theo pháp luật và/hoặc Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định.

Điều 47. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo Điều 30 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 48. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo Điều 37 của Điều lệ Công ty.

Điều 49. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu, Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện

quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành phần và cơ cấu Kiểm soát viên

a. Ban kiểm soát có một (01) Trưởng ban do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

b. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
3. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 51. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên:

- a. Khi Công ty thực hiện bầu Kiểm soát viên, các ứng viên có thể gửi hồ sơ đến Ban tổ chức Đại hội chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông để ứng cử.
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được thực hiện quyền đề cử, ứng cử Kiểm soát viên của Công ty bằng cách gửi hồ sơ đề cử, ứng cử đến Ban tổ chức Đại hội chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông để xem xét.

Hồ sơ ứng cử/đề cử bao gồm:

- (i) Văn bản ứng cử/đề cử trong đó thể hiện (i) ứng viên chấp nhận việc đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; (ii) cam kết sẽ hành động, thực hiện công việc một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên; và (iii) cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp.
- (ii) Lý lịch của người được đề cử/ứng cử, bao gồm: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ học vấn; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Quan hệ của ứng viên với các Người có liên quan;
- (iii) Nếu ứng viên được đề cử bởi nhóm cổ đông, cần cung cấp thêm: (i) danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử; (ii) tổng số cổ phần mà nhóm cổ đông hiện đang nắm giữ; (iii) văn bản thỏa thuận của nhóm cổ đông về việc đề cử Kiểm soát viên.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (ii) Trình độ học vấn, trình độ chuyên môn;
- (iii) Quá trình công tác;
- (iv) Các chức danh quản lý khác;
- (v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- (vi) Các thông tin khác (nếu có).

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên:

1. Cổ đông có thể phân phối số phiếu bầu của mình cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn và được quyền bầu một phần tổng số phiếu bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.
2. Số lượng ứng viên được lựa chọn không được vượt quá số lượng Kiểm soát viên cần bầu.
3. Căn cứ vào số lượng Kiểm soát viên được phê chuẩn, người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Kiểm soát viên quy định tại Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì thành viên này sẽ được chọn như sau:
 - a. Nếu ứng viên là cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn.
 - b. Nếu ứng viên không là cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm Kiểm soát viên lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.
5. Trường hợp không chọn được ứng cử viên theo các tiêu chí (i) và (ii) nêu trên thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang và chọn ứng viên có số phiếu cao nhất.

Điều 53. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty thì việc miễn nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện như sau:

a. Trường hợp Kiểm soát viên không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên của Công ty: Ban kiểm soát chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin và lập cáo cáo đánh giá, giải trình về việc thành viên đó không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện. Sau đó, Ban kiểm soát biểu quyết để thống nhất và gửi Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

b. Trường hợp Kiểm soát viên có đơn từ chức: Đơn từ chức phải được gửi cho Người phụ trách quản trị Công ty ở trụ sở chính của Công ty. Hội đồng quản trị tiếp nhận và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc miễn nhiệm trong trường hợp này chỉ có hiệu lực khi có Nghị quyết bằng văn bản của Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 35 Điều lệ Công ty thì việc bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện như sau:

a. Trường hợp Kiểm soát viên không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công: Trưởng Ban Kiểm soát thu thập bằng chứng, thông tin và lập cáo cáo đánh giá, xem xét và quyết định trước khi gửi Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

b. Trường hợp Kiểm soát viên không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng: Trưởng Ban Kiểm soát thu thập bằng chứng, thông tin và lập cáo cáo đánh giá, xem xét và quyết định trước khi gửi Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

c. Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát thu thập bằng chứng, thông tin và lập cáo cáo đánh giá, xem xét và quyết định trước khi gửi Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

d. Trong trường hợp Kiểm soát viên bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Việc bãi nhiệm này sẽ có hiệu lực tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông ban hành nghị quyết hoặc tại thời điểm được quy định cụ thể trên nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 54. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu bổ sung Kiểm soát viên được thực hiện trong các trường hợp sau:

a. Số Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b. Đại hội đồng cổ đông bầu Kiểm soát viên mới để thay thế thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Việc bầu bổ sung Kiểm soát viên sẽ được bầu dựa trên danh sách ứng viên do (i) ứng viên ứng cử, (ii) cổ đông, nhóm cổ đông đề cử và/hoặc (iii) Ban Kiểm soát giới thiệu.

2. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Tất cả các trường hợp thay đổi Kiểm soát viên liên quan đến việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Kiểm soát viên, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì Hội đồng quản trị và Giám đốc (Người đại diện theo pháp luật của Công ty) phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Trưởng Ban kiểm soát được bầu trong số các Kiểm soát viên theo nguyên tắc đa số.
- b. Trưởng Ban kiểm soát được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Ban Kiểm soát trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.

Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Ban kiểm soát phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 55. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

1. Thù lao và thưởng của Ban kiểm soát được xác định theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tổng mức này là một con số tuyệt đối.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Thù lao của từng Kiểm soát viên được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Lợi ích khác: Các lợi ích khác có thể là chi phí mua bảo hiểm trách nhiệm (nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông), gói bảo hiểm sức khỏe... cho các thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V. GIÁM ĐỐC

Điều 56. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế hoạt động của Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều

hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

3. Đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các thành viên bộ máy quản lý khác là cơ quan chấp hành, điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty diễn ra bình thường và có hiệu quả.

4. Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn hoặc sự cố bất ngờ nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các quyết định đó.

5. Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản.

Điều 57. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc:

a. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b. Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- (i) Không thuộc các đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
- (ii) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty.

2. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc:

a. Đề cử Giám đốc

Thành viên HĐQT được phân công phụ trách công tác nhân sự hoặc Tiểu ban nhân sự, lương thưởng (nếu có) gửi Tờ trình bằng văn bản việc bổ nhiệm Giám đốc đến Hội đồng quản trị sau khi chọn lọc, đánh giá hồ sơ ứng viên.

b. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc

- (i) Hội đồng quản trị có thể họp để biểu quyết thông qua việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.
- (ii) Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - Hết hợp đồng lao động;
 - Nghỉ hưu và/hoặc không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng.
- (iii) Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ, nội quy, quy chế của Công ty;

- Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
 - (iv) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện bằng nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc:
- a. Bổ nhiệm
 - (i) Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc sau khi xem xét Tờ trình của Ban Giám đốc.
 - (ii) Việc bổ nhiệm sẽ được thể hiện bằng nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị.
 - b. Ký hợp đồng lao động với Giám đốc
 - (i) Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động của Giám đốc.
 - (ii) Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và được thể hiện trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc.
4. Chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc:

Công ty tiến hành chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc sau khi Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Giám đốc. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và các quy định khác của Công ty. Trường hợp sau khi miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, Giám đốc tiếp tục làm việc tại Công ty với vị trí công việc khác thì Công ty ký phụ lục điều chỉnh hợp đồng lao động phù hợp với công việc mới.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc:

- a. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương, thưởng, trợ cấp và các quyền lợi khác của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- b. Tiền lương của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải được báo cáo tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 58. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc thực hiện theo Điều 46 Quy chế này. Người phụ trách quản trị Công ty hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty, chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người điều hành quản trị Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, quyết định, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Giám đốc vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc có trách nhiệm thực hiện các báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu cho Hội đồng quản trị về các vấn đề cụ thể như sau:

- a. Định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị Công ty về tình hình thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 4 điều 33 Điều lệ Công ty và các công việc khác được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện;
- b. Báo cáo Hội đồng quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- c. Thực hiện báo cáo đột xuất về các vấn đề theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Giám đốc phải báo cáo và giải trình trước Đại hội đồng cổ đông về:

- a. Tình hình thực hiện định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trên cơ sở các nghị quyết đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- b. Tình hình sử dụng vốn; đầu tư mua sắm, cầm cố, thuê, cho thuê, thanh lý, chuyển nhượng các tài sản cố định, sử dụng lao động và các vấn đề khác thuộc quyền hạn của Giám đốc theo quy định tại khoản 4 điều 33 Điều lệ Công ty;
- c. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý việc cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, thay đổi thông tin cổ đông, quản lý việc thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
- d. Các nội dung khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế nội bộ về việc phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Giám đốc theo các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

Điều 59. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp

Hội đồng quản trị Công ty căn cứ quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và các Người điều hành doanh nghiệp để ban hành các Quy chế về việc đánh giá hoàn thành kế hoạch, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành của Công ty.

CHƯƠNG VII. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 60. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Vận tải Biển Global Pacific bao gồm bảy (07) chương, sáu mươi (60) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quy chế này thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 26/10/2025 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các nội dung khác liên quan đến quản trị Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Trung Quốc

Số: 08/2026/TTr-PCT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Nhằm cập nhật các quy định mới nhất của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và đặc biệt là Bộ nguyên tắc quản trị công ty Việt Nam do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành năm 2026, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Nội dung trọng tâm của Quy chế bao gồm việc chuẩn hóa trình tự, thủ tục bầu, miễn nhiệm và cơ chế vận hành của Hội đồng quản trị theo hướng chuyên nghiệp hóa.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ban hành theo Nghị quyết số/2026/NQ-PCT-ĐHCD ngày/...../2026 của
Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific)

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/ 2024 của Quốc hội và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/2026/NQ-PCT-ĐHCD ngày/...../2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác của Công ty;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong đó, Công ty phải đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ Công ty.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác;
 - d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ;
 - e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện nêu trên. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo các hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;

f) Kiến nghị Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Giám đốc;

g) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Giám đốc để hạn chế những tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại

cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị có thể trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Nếu các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị thì phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

c) Số lượng ứng viên tối đa mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 1 Điều này có quyền đề cử, ứng cử được xác định như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa một (01) ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa hai (02) ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty được đề cử tối đa ba (03) ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Cổ đông có thể phân phối số phiếu bầu của mình cho từng ứng cử viên với số phiếu cụ thể hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng cử viên được chọn và được quyền bầu một phần tổng

số phiếu bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, phần còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trong đó, các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định, việc chọn các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên Hội đồng quản trị không độc lập và độc lập còn lại). Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.

5. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì:

- Nếu ứng viên là cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều cổ phần hơn sẽ ưu tiên được chọn.
- Nếu ứng viên không là cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Hội đồng quản trị lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.
- Trường hợp không chọn được ứng cử viên theo hai tiêu chí nêu trên thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau và chọn ứng viên có số phiếu cao nhất.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố theo quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần

ba so với quy định tại Điều lệ Công ty hoặc số thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm xuống, không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị thành lập Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Chiến lược, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Lương thưởng để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Ngoài các Ủy ban này, Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban đặc biệt khác sau khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Mỗi tiểu ban có thể có quy chế hoạt động riêng, tuy nhiên hoạt động của tiểu ban phải đảm bảo không trái với các quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy định của Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi: (i) có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban và (ii) được Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này, các thành viên Hội đồng quản trị sẽ bầu chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số và người đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị sẽ có quyền tham gia cuộc họp.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác tùy thuộc từng thời điểm và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07)

ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác nếu được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội đồng quản trị.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư (bằng đường bưu điện), phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và gửi đến cho Người phụ trách quản trị công ty ít nhất một (01) ngày trước ngày khai mạc. Người được ủy quyền tham dự họp Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến cuộc họp, trường hợp vi phạm thì phải bồi thường cho Công ty mọi thiệt hại xảy ra.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành, trừ trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc phải được ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (không tính phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó kiêm Giám đốc). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Biên bản sẽ được Người phụ trách quản trị công ty gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc, thưởng và các lợi ích khác. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông

báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty, trong trường hợp bắt buộc phải thực hiện công việc nhân danh cá nhân thì phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific bao gồm bảy (07) chương, hai mươi bốn (24) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Trung Quốc

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản có liên quan;
- Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg về Hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 15/11/2025;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific.

Ngày 29/09/2025, Thủ tướng Chính Phủ đã ban hành Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 15/11/2025 (sau đây gọi tắt là “Quyết định 36/2025/QĐ-TTg”). Theo đó một số ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty thuộc phạm vi điều chỉnh theo Quyết định này. Do đó, Công ty cần rà soát, cập nhật lại danh sách các ngành, nghề kinh doanh của mình để phù hợp với Quyết định 36/2025/QĐ-TTg nêu trên. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty. Chi tiết tại phụ lục đính kèm.
- Ủy quyền cho Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật và/hoặc theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).



PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

STT	Ngành nghề kinh doanh hiện tại	Ngành nghề kinh doanh sau điều chỉnh	Ghi chú
1	4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4679: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở)	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành thay đổi thành 4679 , tên ngành thay đổi thành “ Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu ”. Chi tiết ngành nghề kinh doanh được lược bỏ đoạn “thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”, do 02 Quyết định này đã hết hiệu lực.
2	4662: Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng)	4672: Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng)	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành thay đổi thành 4672 , tên ngành không thay đổi, chi tiết ngành nghề kinh doanh không thay đổi.
3	7830: Cung ứng và quản lý nguồn lao động (trừ cung ứng và quản lý nguồn lao động nước ngoài)	7822: Cung ứng nguồn nhân lực khác (trừ cung ứng và quản lý nguồn lao động nước ngoài)	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành thay đổi thành 7822 , tên ngành thay đổi thành “ Cung ứng nguồn nhân lực khác ”, chi tiết ngành nghề kinh doanh không thay đổi.
4	4661: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở)	4671: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở)	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành thay đổi thành 4671 , tên ngành không thay đổi, chi tiết ngành nghề

			kinh doanh không thay đổi.
5	5510: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở)	5510: Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự (không kinh doanh tại trụ sở) 5520: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác (không kinh doanh tại trụ sở)	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, tách thành 02 mã ngành là 5510 và 5520 , tên ngành thay đổi thành “ Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự ” và “ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác ”, chi tiết ngành nghề kinh doanh không thay đổi.
6	4520: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở)	9531: Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở)	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành thay đổi thành 9531 , tên ngành thay đổi thành “ Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác ”, chi tiết ngành nghề kinh doanh không thay đổi.
7	4663: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng	4673: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành thay đổi thành 4673 , tên ngành không thay đổi, chi tiết ngành nghề kinh doanh không thay đổi.
8	3319: Sửa chữa thiết bị khác (không hoạt động tại trụ sở)	3319: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác (không hoạt động tại trụ sở)	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành không thay đổi, tên ngành thay đổi thành “ Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác ”, chi tiết ngành nghề kinh doanh không thay đổi
9	4530: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở)	4662: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở) 4782: Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở)	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành thay đổi thành 4662 (đối với bán buôn) và 4782 (đối với bán lẻ), tên ngành thay đổi thành “ Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác ” và “ Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác ”, chi tiết ngành nghề kinh doanh không thay đổi.
10	7490: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa	7499: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành thay đổi thành

	được phân vào đâu. Chi tiết: cung cấp giải pháp, sản phẩm, dịch vụ hóa kỹ thuật gia tăng tuổi thọ công trình công nghiệp	lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: cung cấp giải pháp, sản phẩm, dịch vụ hóa kỹ thuật gia tăng tuổi thọ công trình công nghiệp	7499 , tên ngành thay đổi thành “Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu” , chi tiết ngành nghề kinh doanh không thay đổi.
11	7020: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020: Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành không thay đổi, tên ngành thay đổi thành “Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác” , chi tiết ngành nghề kinh doanh không thay đổi.
12	8560: Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8569: Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành thay đổi thành 8569 , tên ngành thay đổi thành “Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác” , chi tiết ngành nghề kinh doanh không thay đổi.
13	4513: Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4610: Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa.	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành thay đổi thành 4610 , tên ngành thay đổi thành “Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa” , chi tiết ngành nghề kinh doanh thay đổi thành “Đại lý bán hàng hóa” (Mã 46101)
14	3511: Sản xuất điện	3511: Sản xuất điện từ nguồn không tái tạo 3512: Sản xuất điện từ nguồn tái tạo	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành không thay đổi (3511) hoặc thêm mã 3512 , tên ngành thay đổi thành “Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo” (3511) và “Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo” (3512), chi tiết ngành nghề kinh doanh không thay đổi.
15	3512: Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhà máy thủy điện	3513: Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Thủy điện.	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành thay đổi thành 3513 , tên ngành thay đổi thành “Truyền tải và phân phối điện” , chi tiết ngành nghề kinh doanh thay đổi thành “Thủy điện” (Mã 35121)

16	4512: Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4781: Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác	Ngành nghề kinh doanh bị điều chỉnh theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg, mã ngành thay đổi thành 4781 , tên ngành thay đổi thành “ Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác ”, chi tiết ngành nghề kinh doanh không thay đổi (Bán lẻ ô tô con loại 9 chỗ ngồi trở xuống tương ứng mã 47811)
----	---	---	---

Ghi chú: Chi tiết các ngành nghề kinh doanh có thể tiếp tục được điều chỉnh theo yêu cầu hoặc hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm nhưng không giới hạn Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. Trong trường hợp này, các điều chỉnh đó được xem là đã được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, với điều kiện vẫn phù hợp với mục đích và bản chất của các hoạt động kinh doanh như đã trình bày ở trên.

TỜ TRÌNH

Về việc báo cáo tiến độ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 và thông qua thay đổi phương án sử dụng số tiền này

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 27/10/2025 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Global Pacific; kèm Tờ trình số 12/2025/TTr-PCT-HĐQT ngày 06/10/2025 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
- Căn cứ Nghị quyết số 25/2025/NQ-PCT-HĐQT ngày 12/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ (NQ HĐQT số 25);
- Căn cứ Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 01/BC-PCT ngày 30/3/2026 của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;
- Căn cứ Công văn số 2593/UBCK-QLCB ngày 03/4/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty cổ phần Vận tải biển Global Pacific;
- Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-PCT-ĐHCD ngày 27/10/2025 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 như sau:

1. Báo cáo tiến độ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025:

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCD bất thường năm 2025, Hội đồng quản trị đã triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ với kết quả như sau:

- Ngày kết thúc đợt chào bán là 27/3/2026.
- Số lượng cổ phiếu đã chào bán thành công: 30.000.000 cổ phiếu, đạt tỷ lệ 100% số cổ phiếu đăng ký chào bán.
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 300.000.000.000 đồng.

Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 25, Công ty dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ để trả nợ ngân hàng. Đến nay, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán chưa được sử dụng.

2. Thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025:

Căn cứ tình hình tài chính của Công ty, theo Báo cáo tài chính kiểm toán 2025 về tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn, hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức thấp hơn trung bình ngành, Công ty cần phải ưu tiên cơ cấu lại các khoản vay dài hạn để giảm hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giúp tăng khả năng thanh khoản;

Căn cứ Đề nghị trả nợ trước hạn đối với các hợp đồng vay cá nhân;

Căn cứ tình hình thị trường vận tải tàu chở dầu sản phẩm/hóa chất hiện nay và nhu cầu tăng doanh thu, thị phần của Công ty, đặc biệt trong bối cảnh đội tàu do Công ty quản lý, vận hành đã đáp ứng được tiêu chuẩn của các Oij Major lớn như BP, Shell, Exxon, Chevron...

Do đó, với mục đích tối ưu hóa cấu trúc tài chính, tăng khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty; giải quyết dứt điểm các nghĩa vụ thanh toán nợ với chủ nợ và tận dụng nguồn vốn để thực hiện phương án kinh doanh mới mang lại hiệu quả cho Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng vốn theo NQ HĐQT số 25 (đồng)	Phương án sử dụng vốn điều chỉnh (đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Trả nợ Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Hồ Chí Minh	248.000.000.000	41.673.003.389	Quý II/2026
-	Hợp đồng tín dụng số	178.103.999.976		

STT	Mục đích sử dụng	Phương án sử dụng vốn theo NQ HĐQT số 25 (đồng)	Phương án sử dụng vốn điều chỉnh (đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
	274242.25.151.1108803.TD ngày 13/01/2025			
-	Hợp đồng tín dụng số 271098.24.151.1108803.TD ngày 02/01/2025	69.896.000.024		
2	Trả nợ Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình	52.000.000.000	4.977.974.694	Quý II/2026
-	Hợp đồng tín dụng số 0076/2024/HĐTD-OCB-DN ngày 27/06/2024	52.000.000.000		
3	Trả nợ vay cá nhân	0	95.849.021.917	Quý II/2026
4	Phương án Thuê bareboat 01 tàu dầu/hóa chất (khoảng 20.000 DWT)	0	157.500.000.000	Quý II/2026
	Tổng cộng	300.000.000.000	300.000.000.000	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT, DH (1b).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Trần Trung Quốc